Câu lạc bộ thợ điện Schneider Electric

Dành cho người thi công điện. Hội viên tham gia CLB thợ điện Schneider Electric sẽ được tham dự MIỄN PHÍ các khóa đào tạo, kiểm tra, cấp chứng chỉ, tư vấn lựa chọn và lắp đặt sản phẩm, và tham quan nhà máy. Hội viên cũng được tham gia các chương trình khuyến mãi và tích lũy điểm thưởng khi có công trình sử dụng thiết bị Schneider Electric.

Điểm bán hàng ủy quyền

Dành cho các đại lý, tiệm điện. Các đại lý, tiệm điện tham gia chương trình sẽ được trang bị bảng hiệu, kệ trưng bày, bảng sản phẩm mẫu cùng các vật phẩm quảng cáo cần thiết khác nhằm quảng bá cho thương hiệu của đại lý và gia tăng doanh số bán hàng.

Kết nối người sử dụng

Dành cho chủ nhà và người sử dụng. Khách hàng đăng ký tham gia chương trình sẽ được tư vấn miễn phí cách thiết kế, lựa chọn, lắp đặt, sử dụng thiết bị điện an toàn, tiện nghi và hiệu quả. Đặc biệt khách hàng sẽ được tham quan phòng trưng bày giải pháp Nhà Thông Minh - Wiser Home của Schneider Electric.

Dịch vụ hỗ trợ: **1800-585858** (Miễn cước cuộc gọi)
Fax: **(028) 38 120 477**
Email: customercare.vn@schneider-electric.com
Website: www.schneider-electric.com.vn
Facebook: www.facebook.com/SchneiderElectricVN

Tải ngay ứng dụng Customer Care để được hỗ trợ 24/7 từ Schneider Electric

ANDROID APP ON Google play | Download on the App Store

Hà Nội
Lầu 8, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Ba Đình
ĐT: (024) 3831 4037
Fax: (024) 3831 4039

Đà Nẵng
Phòng D, Lầu 6, Tòa nhà ACB
218 Bạch Đằng, Quận Hải Châu
ĐT: (0236) 387 2491
Fax: (0236) 387 2504

Hồ Chí Minh
Phòng 7.2, Lầu 7, Tòa nhà E-Town
364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình
ĐT: (028) 3810 3103
Fax: (028) 3812 0477

Schneider Electric • Bảng giá dành cho Đại lý • 06.2019
www.schneider-electric.com.vn

Thiết bị điện dân dụng cao cấp đến từ Pháp

Bảng giá
Dành cho **Đại lý**

06.2019

schneider-electric.com.vn

Life Is On | Schneider Electric

Schneider Electric là chuyên gia quản lý năng lượng và tự động hóa trên toàn cầu, hoạt động trên 100 quốc gia, với mục tiêu giúp mọi người sử dụng năng lượng hiệu quả.

Văn phòng của Tập đoàn Schneider Electric tại Pháp,
Le Hive, Paris, FRANCE

Quý Khách Hàng thân mến,

Thay mặt Ban Giám Đốc Schneider Electric Việt Nam, tôi xin gửi đến Quý Khách Hàng lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất vì đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt hành trình 25 năm qua.

Là một công ty thành viên của tập đoàn Schneider Electric, sứ mệnh của chúng tôi luôn là nhà cung cấp giải pháp quản lí năng lượng và tự động hóa các quy trình an toàn, hiệu quả, không ngừng sáng tạo và đổi mới nhằm phục vụ tốt nhất cho Quý Khách Hàng.

Một trong những cải tiến vượt trội mà Schneider Electric đã mang đến cho khách hàng đó là dòng công tắc ổ cắm hoàn toàn phẳng Zencelo A, đây được xem như một chuẩn mực mới trong mặt hàng công tắc ổ cắm mặt chữ nhật. Với kiểu dáng sang trọng kết hợp với chức năng hiện đại như: ổ sạc USB, Zencelo A đang ngày càng khẳng định vị thế của mình trong lòng khách hàng.

Năm 2018, Schneider Electric giới thiệu đến thị trường bộ đôi công tắc ổ cắm AvatarOn và tủ điện Acti9, một sự kết hợp hoàn hảo cho ngôi nhà thân yêu. Ngoài tiêu chí sản phẩm an toàn, chất lượng cao, bộ đôi công tắc ổ cắm AvatarOn và tủ điện Acti9 có thiết kế tràn viền thời thượng, độc đáo và sáng tạo cùng mặt che có thể dễ dàng thay đổi giúp bạn thể hiện phong cách cho từng không gian sống, đồng thời khẳng định cá tính của mình một cách tinh tế nhất.

Bên cạnh đó, chúng tôi luôn lấy khách hàng làm trọng tâm và kim chỉ nam để phát triển bền vững. Các chương trình hỗ trợ bán hàng như: Câu lạc bộ thợ điện Schneider Electric Việt Nam; Điểm bán hàng ủy quyền; Chương trình dành cho đại lý; Chuẩn trưng bày Schneider Electric. Đây cũng chính là sự cam kết gắn bó lâu dài của Schneider Electric tại thị trường Việt Nam.

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn Quý Khách Hàng đã ủng hộ chúng tôi trong suốt hành trình 25 năm qua và hy vọng tiếp tục nhận được sự đồng hành và tin tưởng của quý khách hàng trong thời gian sắp tới.

Trân trọng,

Phạm Thị Cẩm Bình
Phó Tổng Giám Đốc
Schneider Electric Việt Nam, Myanmar, Cambodia & Philippines

Life Is On | Schneider Electric

Mục lục

CÔNG TẮC, Ổ CẮM ĐIỆN VÀ PHỤ KIỆN

08 Dòng AvatarOn
12 Dòng Vivace
14 Dòng Mureva
16 Dòng Zencelo A
21 Dòng Concept
23 Dòng S-Flexi
25 Dòng S-Classic
27 Dòng E30 & EMS
28 Thiết bị cảm biến & Ổ âm sàn
29 Ổ cắm chống sét lan truyền thế hệ mới

THIẾT BỊ ĐẤU DÂY CÔNG NGHIỆP, PHÒNG THẤM NƯỚC

30 Phích cắm & ổ cắm công nghiệp dòng PK
33 Công tắc & ổ cắm phòng thấm nước dòng 56

THIẾT BỊ PHÂN PHỐI ĐIỆN HẠ THẾ

36 Tủ điện dân dụng
38 Cầu dao tự động Easy9 - MCB
39 Easy9 RCCB, RCBO, SPD
40 Cầu dao tự động Acti9 - MCB iK60N & iC60N
41 Cầu dao tự động Acti9 -MCB iC60H & iC60L
40 Cầu dao tự động Acti9 - MCB C120N & C120H
43 Cầu dao tự động Acti9 - RCCB, RCBO, SPD
44 Khởi động từ và rơ le điều khiển Acti9
45 Cách lựa chọn thiết bị chống sét lan truyền
46 Acti9 SPD - Thiết bị chống sét lan truyền
47 Thiết bị mạng, bộ hẹn giờ, cảm biến độ sáng
47 Dòng ổ cắm kéo dài Thorsman
48 Easypact - MCCB
50 Easypact - ELCB

THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN, CÔNG NGHIỆP

52 CB bảo vệ động cơ dạng từ & từ nhiệt - Tesys
53 Khởi động từ Tesys loại D 9-150A
54 Rơ le nhiệt Tesys loại D
55 Khởi động từ Easypact TVS
56 CB bảo vệ động cơ dạng từ nhiệt GZ1 và phụ kiện TVS
57 Nút nhấn - đèn báo - công tắc xoay họ XB7
58 Nút nhấn - đèn báo - công tắc xoay họ XA2
60 Rơ le trung gian 2-4C/O, 5-3A loại REXO
61 Bộ nguồn ABL2K
62 Bộ điều khiển & Đồng hồ

70% số vụ hỏa hoạn do sự cố điện gây ra*

BẠN CÓ BIẾT

Ngắn mạch

Khi dây nóng và dây nguội chập vào nhau làm phát sinh tia lửa điện

Ví dụ: Dây điện bị chuột cắn đứt vỏ, làm dây nóng chập với dây nguội

Quá tải

Khi sử dụng các thiết bị điện với công suất lớn hơn công suất nguồn

Ví dụ: Ổ cắm có dòng định mức 16A, ta cắm nhiều thiết bị cùng lúc dẫn đến ổ cắm bị quá tải, nóng lên rồi cháy

Dòng rò

Dòng điện bị rò rỉ ra ngoài vỏ thiết bị khi bộ cách điện hỏng hoặc dây dẫn điện bị bong tróc vỏ, đứt gãy

Ví dụ: Dây điện âm trong tường lâu năm bị nứt, khiến điện rò ra tường và nối đất

là những sự cố điện phổ biến nhất, có thể gây hỏa hoạn hoặc giật chết người

*Theo PCCC TP.HCM 2015

Life Is On | Schneider Electric

NEW
Hàng có sẵn

Tiêu chuẩn quốc tế IEC60960-1

Ổ SẠC USB

Sạc nhanh năng lượng, chủ động cuộc sống.

- Tốc độ sạc nhanh 2.1A
- Bảo vệ quá tải, dòng rò & sét lan truyền cho thiết bị sạc
- Dễ dàng lắp đặt với nhà hiện hữu

Dòng công tắc ổ cắm AvatarOn

Sáng không gian, đậm phong cách

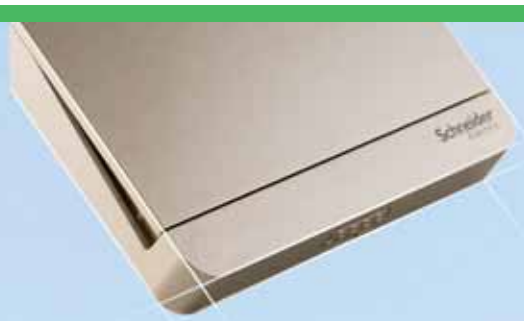

Thiết kế độc đáo & sáng tạo

Công nghệ tiếp điểm “SS” đột phá giúp các trải nghiệm bật, tắt sản phẩm trở nên nhẹ nhàng và hoàn hảo chưa từng có

SS MECHANISM

iF DESIGN AWARD 2017

Công nghệ đèn LED hắt sáng tuyệt diệu

Đèn LED định vị ẩn dưới phím công tắc tạo một tổng thể thiết kế thanh thoát và trang nhã.

Các chức năng tiện ích

Móc treo chìa khóa, phím đỡ điện thoại kết hợp ổ sạc USB mang lại nhiều tiện ích cho cuộc sống.

Biến hóa không giới hạn

Các mặt che công tắc có thể thay đổi dễ dàng giúp bạn thể hiện phong cách cho từng không gian sống, khẳng định cá tính của mỗi người một cách tinh tế nhất.

Công tắc dòng AvatarOn

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ công tắc đơn 1 chiều 16AX, có đèn LED	10/60	
E8331L1LED_WE_G19		156.200
E8331L1LED_WG_G19		196.900
E8331L1LED_WD_G19		215.600
Bộ công tắc đôi 1 chiều 16AX, có đèn LED	10/60	
E8332L1LED_WE_G19		234.300
E8332L1LED_WG_G19		294.800
E8332L1LED_WD_G19		322.300
Bộ công tắc ba 1 chiều 16AX, có đèn LED	10/60	
E8333L1LED_WE_G19		323.400
E8333L1LED_WG_G19		407.000
E8333L1LED_WD_G19		445.500
Bộ công tắc bốn 1 chiều 16AX, có đèn LED	8/48	
E8334L1LED_WE_G19		497.200
E8334L1LED_WG_G19		627.000
E8334L1LED_WD_G19		686.400
Bộ công tắc đơn 2 chiều 16AX, có đèn LED	10/60	
E8331L2LED_WE_G19		187.000
E8331L2LED_WG_G19		235.400
E8331L2LED_WD_G19		258.500
Bộ công tắc đôi 2 chiều 16AX, có đèn LED	10/60	
E8332L2LED_WE_G19		280.500
E8332L2LED_WG_G19		353.100
E8332L2LED_WD_G19		387.200
Bộ công tắc ba 2 chiều 16AX có đèn LED	10/60	NEW
E8333L2LED_WE_G19		387.200
E8333L2LED_WG_G19		487.300
E8333L2LED_WD_G19		533.500
Bộ công tắc bốn 2 chiều 16AX, có đèn LED	8/48	NEW
E8334L2LED_WE_G19		596.200
E8334L2LED_WG_G19		715.000
E8334L2LED_WD_G19		786.500
Bộ công tắc trung gian 16AX	8/48	
E8331M_WE_G19		276.100
E8331M_WG_G19		347.600

THAM KHẢO MÀU SẮC

Mã_WE
Màu trắng

Mã_WG
Màu vàng ánh kim

Mã_WD
Màu gỗ

Công tắc dòng AvatarOn

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ công tắc đơn 2 cực 20A	10/60	
E8331D20N_WE_G19		372.900
E8331D20N_WG_G19		515.900
E8331D20N_WD_G19		515.900
Bộ công tắc đôi 2 cực 20A	8/48	NEW
E8332D20N_WE_G19		706.200
E8332D20N_WG_G19		931.700
E8332D20N_WD_G19		974.600
Bộ công tắc đơn 2 cực 32A	10/160	NEW
E8331D32N_WE_G19		748.000
E8331D32N_WG_G19		897.600
E8331D32N_WD_G19		987.800
Bộ công tắc đơn 2 cực 45A	12/72	NEW
E8331D45N_WE_G19		1.280.400
E8331D45N_WG_G19		1.536.700
E8331D45N_WD_G19		1.690.700
Nút nhấn chuông đơn 10A	10/60	NEW
E8331BPL1_WE_G19		226.600
E8331BPL1_WG_G19		286.000
E8331BPL1_WD_G19		313.500
Bộ điều chỉnh ánh sáng đèn 250VA (điều chỉnh đèn LED từ 3w - 100W)	8/48	
E8331RD250_WE		1.417.900
E8331RD250_WG		1.637.900

Ổ cắm dòng AvatarOn

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A	10/60	NEW
E83426UES2_WE_G19		299.200
E83426UES2_WG_G19		358.600
E83426UES2_WD_G19		434.500
Bộ ổ cắm đôi 2 chấu 10A	10/60	
E83426U2_WE_G19		177.100
E83426U2_WG_G19		223.300
E83426U2_WD_G19		244.200
Bộ ổ sạc USB đôi 2.1A	8/48	
E8332USB_WE_G19		1.822.700
E8332USB_WG_G19		2.186.800
E8332USB_WD_G19		2.514.600
Bộ ổ cắm đơn đa năng 16A	10/60	
E83426TS_WE_G19		378.400
E83426TS_WG_G19		474.100
Bộ ổ cắm đơn đa năng 16A, có công tắc	12/72	
E8315TS_WE_G19		436.700
E8315TS_WG_G19		546.700

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ cắm TV, mạng, điện thoại dòng AvatarOn

Bộ ổ cắm TV đơn

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	
E8331TV_WE_G19		305.800
E8331TV_WG_G19		366.300
E8331TV_WD_G19		402.600

Bộ ổ cắm TV đôi

	10/60	
E8332TV_WE_G19		426.800
E8332TV_WG_G19		512.600

Bộ ổ cắm điện thoại đơn

	10/60	
E8331RJS4_WE_G19		194.700
E8331RJS4_WG_G19		233.200
E8331RJS4_WD_G19		256.300

Bộ ổ cắm điện thoại đôi

	10/60	
E8332RJS4_WE_G19		311.300
E8332RJS4_WG_G19		372.900
E8332RJS4_WD_G19		410.300

Bộ ổ cắm mạng cat5e đơn

	10/60	
E8331RJS5_WE_G19		253.000
E8331RJS5_WG_G19		303.600
E8331RJS5_WD_G19		334.400

Bộ ổ cắm mạng cat5e đôi

	10/60	
E8332RJS5_WE_G19		404.800
E8332RJS5_WG_G19		486.200
E8332RJS5_WD_G19		534.600

Bộ ổ cắm mạng cat6 đơn

	10/60	
E8331RJS6_WE_G19		350.900
E8331RJS6_WG_G19		421.300

Bộ ổ cắm mạng cat6 đôi

	10/60	
E8332RJS6_WE_G19		524.700
E8332RJS6_WG_G19		629.200

Bộ ổ cắm TV và Bộ ổ cắm mạng cat5e

	10/60	
E8332TVRJS5_WE		446.600
E8332TVRJS5_WG		535.700
E8332TVRJS5_WD		589.600

Bộ ổ cắm điện thoại và Bộ ổ cắm mạng cat5e

	10/60	
E8332TDRJS5_WE_G19		358.600
E8332TDRJS5_WG_G19		430.100
E8332TDRJS5_WD_G19		473.000

Bộ ổ cắm TV và Bộ ổ cắm mạng cat6

	10/60	
E8332TVRJS6_WE_G19		525.800
E8332TVRJS6_WG_G19		631.400

Phụ kiện dòng AvatarOn

Mặt che trơn

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	12/72	
E8330X_WE_G19		116.600
E8330X_WG_G19		151.800
E8330X_WD_G19		174.900

Mặt cho 1 công tắc

	12/72	
E8331_WE_G19		81.400
E8331_WG_G19		137.500
E8331_WD_G19		150.700

Mặt cho 1 công tắc có móc treo chìa khoá

	10/60	
E8331KH_WE_G19		123.200
E8331KH_WG_G19		180.400
E8331KH_WD_G19		196.900

Mặt cho 2 công tắc

	12/72	
E8332_WE_G19		89.100
E8332_WG_G19		146.300
E8332_WD_G19		174.900

Mặt cho 3 công tắc

	12/72	
E8333_WE_G19		123.200
E8333_WG_G19		206.800
E8333_WD_G19		226.600

Mặt cho 3 công tắc có móc treo chìa khoá

	10/60	
E8333KH_WE_G19		154.000
E8333KH_WG_G19		238.700
E8333KH_WD_G19		261.800

Mặt cho 4 công tắc

	12/72	
E8334_WE_G19		123.200
E8334_WG_G19		233.200
E8334_WD_G19		255.200

Khung đỡ đôi

	12/72	
E8331_26_WE_G19		81.400
E8331_26_WG_G19		102.300

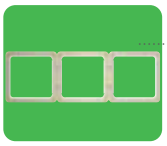

Khung đỡ ba

	12/72	
E8331_36_WE_G19		81.400
E8331_36_WG_G19		102.300

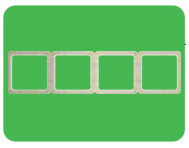

Khung đỡ bốn

	12/72	
E8331_46_WE_G19		114.400
E8331_46_WG_G19		145.200

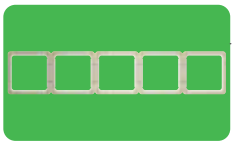

Khung đỡ năm

	12/40	
E8331_56_WE_G19		114.400
E8331_56_WG_G19		145.200

Giá trên đã bao gồm VAT

Nút nhấn dòng AvatarOn

Nút nhấn nhả đơn 4A	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	NEW
E8331PRL1_WE_G19		238.700
E8331PRL1_WG_G19		301.400
E8331PRL1_WD_G19		330.000

Nút nhấn nhả đôi 4A		
	10/60	NEW
E8332PRL1_WE_G19		334.400
E8332PRL1_WG_G19		421.300
E8332PRL1_WD_G19		462.000

Nút nhấn nhả ba 4A		
	10/60	NEW
E8333PRL1_WE_G19		430.100
E8333PRL1_WG_G19		540.100
E8333PRL1_WD_G19		591.800

Nút nhấn khẩn cấp có khóa reset		
	10/60	NEW
E8331KPB_WE_G19		238.700
E8331KPB_WG_G19		301.400
E8331KPB_WD_G19		330.000

Bộ công tắc điều khiển rèm 10A		
	8/48	
E8332C_WE_G19		359.700
E8332C_WG_G19		453.200

Thiết bị dành cho khách sạn dòng AvatarOn

Bộ ổ cắm dao cạo râu		
	1/20	
E83T727V_WE_G19		1.806.200
E83T727V_WG_G19		2.168.100
E83T727V_WD_G19		2.493.700

Bộ công tắc chìa khoá thẻ		
	10/60	
E8331EKT_WE_G19		1.217.700
E8331EKT_WG_G19		1.460.800
E8331EKT_WD_G19		1.679.700

Bộ công tắc chuông "Không làm phiền", "Xin dọn phòng", "Vui lòng chờ"		
	10/60	
E8331BPDMW_WE_G19		653.400
E8331BPDMW_WG_G19		784.300
E8331BPDMW_WD_G19		902.000

Bộ công tắc "Không làm phiền", "Xin dọn phòng", "Vui lòng chờ"		
	10/60	
E8333DMWS_WE_G19		595.100
E8333DMWS_WG_G19		713.900
E8333DMWS_WD_G19		820.600

Đế âm

NEW

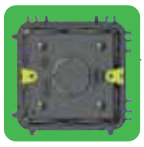

Đế âm cho mặt đơn chuẩn Anh	
A3B050_G19	25.300

Mặt đấu dây dòng AvatarOn

Mặt đấu dây	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
	10/60	NEW
E8331TB_WE_G19		220.000
E8331TB_WG_G19		253.000
E8331TB_WD_G19		264.000

Mặt đấu dây, cầu chì 13A		
	10/60	NEW
E8330FSG_WE_G19		348.700
E8330FSG_WG_G19		453.200
E8330FSG_WD_G19		471.900

Mặt đấu dây, cầu chì 13A có đèn LED		
	10/60	NEW
E8330FSGN_WE_G19		430.100
E8330FSGN_WG_G19		589.600
E8330FSGN_WD_G19		589.600

Mặt đấu dây, cầu chì 13A có đèn LED và công tắc 20A		
	10/60	NEW
E8331DFSGN_WE_G19		644.600
E8331DFSGN_WG_G19		809.600
E8331DFSGN_WD_G19		809.600

Thiết bị khác dòng AvatarOn

Đèn chân tường		
	1/8	
E8390FLW_WE_G19		630.300

Cảm biến chất lượng không khí		
	1/5	
E83PM25_WE		2.149.400

Công tắc điều chỉnh âm lượng 5W, 8 Ohm		
	1/10	NEW
E8331VC_WE_G19		1.020.800

Bộ ổ cắm HDMI & USB dữ liệu		
	1/10	NEW
E8332HDUSB_WE_G19		913.000

Bổ ổ cắm VGA & mini audio		
	1/10	NEW
E8332HD15PH_WE_G19		509.300
E8332HD15PH_WG_G19		610.500

Bộ ổ cắm HDMI đôi		
	1/10	NEW
E8332HDHD_WE_G19		1.056.000

Bộ ổ cắm HDMI, mạng cat5e		
	1/8	NEW
E8332HDRJS5_WE_G19		913.000
E8332HDRJS5_WG_G19		1.095.600

Giá trên đã bao gồm VAT

Style and Function

Vivace

Lấy cảm hứng từ trào lưu thiết kế Bauhaus đỉnh cao, Vivace thể hiện tính thẩm mỹ song hành với công năng. Với thiết kế tinh tế, thanh mảnh và đường nét tao nhã thể hiện phong cách nghệ thuật đơn giản, thanh lịch. Vẻ đẹp tinh giản của Vivace đảm bảo hoàn hảo trong bất kì thiết kế nội thất hiện đại.
Vivace, một phong cách hiện đại tối giản luôn nằm trong tầm tay của bạn.

Phong cách của tôi.

Công tắc dòng Vivace

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ công tắc đơn 1 chiều 16AX	8/80	
KB31_1_WE	☐	58.300
KB31_1_AS	■	72.600
Bộ công tắc đôi 1 chiều 16AX	8/80	
KB32_1_WE	☐	84.700
KB32_1_AS	■	106.700
Bộ công tắc ba 1 chiều 16AX	8/80	
KB33_1_WE	☐	113.300
KB33_1_AS	■	141.900
Bộ công tắc bốn 1 chiều 16AX	5/50	NEW
KB34S_1_WE	☐	302.500
KB34S_1_AS	■	378.400
Bộ công tắc đơn 2 chiều 16AX	8/80	
KB31_WE	☐	63.800
KB31_AS	■	79.200
Bộ công tắc đôi 2 chiều 16AX	8/80	
KB32_WE	☐	102.300
KB32_AS	■	129.800
Bộ công tắc ba 2 chiều 16AX	8/80	NEW
KB33_WE	☐	148.500
KB33_AS	■	187.000
Bộ công tắc bốn 2 chiều 16AX	5/50	NEW
KB34S_WE	☐	338.800
KB34S_AS	■	425.700
Bộ công tắc trung gian 10AX	8/80	
KB31IA_WE	☐	212.300
KB31IA_AS	■	266.200
Bộ nút nhấn chuông 10A	8/80	
KB31BPB_WE	☐	74.800
KB31BPB_AS	■	96.800

Công tắc 2 cực dòng Vivace

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ công tắc đơn 2 cực 20A	10/100	NEW
KB31D20NE_WE	☐	163.900
KB31D20NE_AS	■	207.900
Bộ công tắc đôi 2 cực 20A	10/100	NEW
KB32D20NE_WE	☐	310.200
KB32D20NE_AS	■	389.400
Bộ công tắc đơn 2 cực 45A	10/100	
KB31DR45N_WE	☐	511.500
KB31DR45N_AS	■	660.000

Ổ cắm dòng Vivace

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ ổ cắm đơn 2 chấu 10A	10/100	
KB426US_WE	☐	104.500
KB426US_AS	■	132.000
Bộ ổ cắm đôi 2 chấu 10A	10/100	
KB426US2_WE	☐	124.300
KB426US2_AS	■	161.700
Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 16A	10/100	
KB426UEST_G19	☐	121.000
KB426UEST_AS_G19	■	158.400
Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A	9/90	
KB426UES2_WE_G19	☐	182.600
KB426UES2_AS_G19	■	260.700
Bộ ổ cắm đơn đa năng 13A	10/100	
KB413S	☐	155.100
KB413S_AS	■	199.100
Bộ ổ cắm đơn đa năng 13A có công tắc	10/100	NEW
KB113LS_WE	☐	176.000
KB113LS_AS	■	226.600
Bộ ổ cắm đôi đa năng 13A	10/100	NEW
KBT413S_WE	☐	321.200
KBT413S_AS	■	418.000
Bộ ổ cắm sạc USB đơn 2.1A	8/80	
KB31USB_WE	☐	1.019.700
KB31USB_AS	■	1.223.200
Bộ ổ cắm sạc USB đôi 2.1A	8/80	
KB32USB_WE	☐	1.585.100
KB32USB_AS	■	1.965.700

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ TV, mạng, điện thoại dòng Vivace

Bộ ổ cắm TV đơn	Đóng gói 10/100	Đơn giá (VNĐ)
KB31TV_WE	□	127.600
KB31TV_AS	■	165.000

Bộ ổ cắm TV đôi	10/100	
KB32TV	□	226.600
KB32TV_AS	■	293.700

Bộ ổ cắm điện thoại đơn	10/100	
KB31TS_WE	□	110.000
KB31TS_AS	■	140.800

Bộ ổ cắm điện thoại đôi	10/100	
KB32TS	□	185.900
KB32TS_AS	■	240.900

Bộ ổ cắm mạng cat5e đơn	10/100	
KB31RJ5E_WE	□	159.500
KB31RJ5E_AS	■	206.800

Bộ ổ cắm mạng cat5e đôi	8/80	
KB32RJ5E	□	286.000
KB32RJ5E_AS	■	372.900

Bộ ổ cắm mạng cat6 đơn	10/100	
KB31RJ6_WE	□	205.700
KB31RJ6_AS	■	268.400

Bộ ổ cắm mạng cat6 đôi	8/80	
KB32RJ6	□	321.200
KB32RJ6_AS	■	385.000

Bộ ổ cắm điện thoại và mạng cat5e	8/80	
KB32TS_RJ5E	□	257.400
KB32TS_RJ5E_AS	■	335.500

THAM KHẢO MÀU SẮC

□ Mã_WE
Màu trắng

■ Mã_AS
Màu xám bạc

Dimmer dòng Vivace

Dimmer điều chỉnh ánh sáng đèn 400W	Đóng gói 8/80	Đơn giá (VNĐ)
KB31RD400_WE	□	501.600
KB31RD400_AS	■	653.400

Bộ công tắc điều chỉnh tốc độ quạt	10/100	
KB31RF250_WE	□	404.800
KB31RF250_AS	■	525.800

Thiết bị dành cho khách sạn dòng Vivace

Bộ công tắc chuông "Không làm phiền", "Xin dọn phòng"	Đóng gói 8/80	Đơn giá (VNĐ)
KB31BD_C_WE	□	368.500
KB31BD_C_AS	■	479.600

Bộ công tắc "Không làm phiền", "Xin dọn phòng"	8/80	
KB32SDC_WE	□	320.100
KB32SDC_AS	■	416.900

Bộ công tắc chìa khoá thẻ	6/60	
KB31EKT_WE	□	947.100
KB31EKT_AS	■	1.086.800

Bộ ổ cắm dao cạo râu	2/20	
KBT727V_WE	□	1.434.400
KBT727V_AS	■	1.646.700

Phụ kiện dòng Vivace

Mặt che trơn đơn	Đóng gói 15/150	Đơn giá (VNĐ)
KB30_WE	□	66.000
KB30_AS	■	85.800

Mặt đấu dây 25A	15/150	NEW
KB31TB_WE	□	137.500
KB31TB_AS	■	177.100

Đế âm

NEW

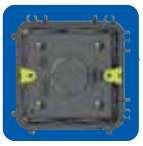

Đế âm cho mặt đơn chuẩn Anh	
A3B050_G19	25.300

Giá trên đã bao gồm VAT

Mureva

Công tắc ổ cắm chống thấm nước

MỚI

- Thiết kế thời thượng, chắc chắn
- Được nhập khẩu 100% từ Ba Lan
- Thích hợp cho các khu vực ngoài trời: ban công, hồ bơi, sân vườn.

Life Is On | Schneider Electric

MUREVA

Được nhập khẩu từ **Ba Lan**
Chỉ số IP55 và IK08 giúp tối ưu
khả năng chịu đựng của **Mureva**
trong mọi điều kiện thời tiết
Lắp ráp **nhanh chóng** và **dễ dàng**

MUR35021 MUR36034

Bộ công tắc

NEW

Đơn giá (VNĐ)

Bộ công tắc đơn hai chiều 10AX
MUR35021 407.000

Bộ công tắc đôi hai chiều 10AX
MUR35022 503.800

Bộ công tắc đơn hai chiều 10AX, có đèn LED
MUR35024 624.800

Bộ công tắc đơn hai cực16AX
MUR35033 559.900

Bộ công tắc trung gian 10AX
MUR35023 515.900

Nút nhấn 10A
MUR35026 394.900

Lưu ý: Bộ sản phẩm Mureva phù hợp gắn nổi
Ổ cắm Mureva phù hợp với phích cắm chuẩn Schuko (2 chấu tròn)

Bộ ổ cắm

NEW

Đơn giá (VNĐ)

Ổ cắm đơn 16A 2P+E
MUR36034 427.900

Ổ cắm đôi
MUR36029 959.200

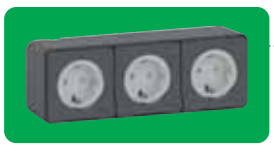

Ổ cắm ba 16A 2P+E
MUR36038 1.527.900

Ổ cắm đơn có công tắc 10AX
MUR36024 829.400

PHONG CÁCH SỐNG MỚI CHO NGÔI NHÀ BẠN

Zencelo A khẳng định ưu thế vượt bậc và tiên phong khi áp dụng công nghệ IMPRESS nhấn tắt nhấn mở cùng một vị trí và đèn LED sang trọng giúp xác định công tắc trong bóng tối. Sản phẩm đạt giải thưởng iF, giải thưởng toàn cầu dành cho lĩnh vực thiết kế.

schneider-electric.com.vn

ZENcelo A

DÒNG CÔNG TẮC

HOÀN TOÀN PHẲNG THẾ HỆ MỚI

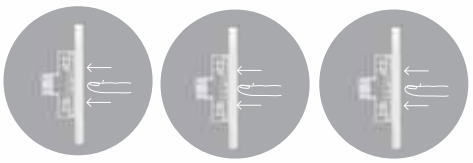

Cơ chế iso-motion-press: Nhấn tắt nhấn mở tại cùng một vị trí

15.000 lần rút cắm cho ổ cắm
80.000 lần bật tắt cho công tắc
Vật liệu polycarbonate bền bỉ chống ăn mòn, chống va đập & chịu nhiệt cao

Thiết kế module trên bề mặt kim loại chống gỉ

Sang trọng và ấn tượng với đèn LED hiển thị vị trí công tắc

Mặt cho dòng Zencelo A

Mặt cho 1 thiết bị, size S	Đóng gói 15/150	Đơn giá (VNĐ)
A8401S_WE_G19	□	35.200
A8401S_SZ_G19	■	51.700

Mặt cho 2 thiết bị, size S	15/150	
A8402S_WE_G19	□	35.200
A8402S_SZ_G19	■	51.700

Mặt cho 3 thiết bị, size L	15/150	
A8401L_WE_G19	□	35.200
A8401L_SZ_G19	■	51.700

Mặt cho 4 thiết bị, size S	7/70	
A84T04L_WE_G19	□	66.000
A84T04L_SZ_G19	■	89.100

Mặt cho 6 thiết bị, size S	7/70	
A84T02L_WE_G19	□	66.000
A84T02L_SZ_G19	■	89.100

Mặt cho 1 thiết bị, size M	15/150	
A8401M_WE_G19	□	35.200
A8401M_SZ_G19	■	51.700

Lõi che cầu dao an toàn (Dùng với A8401L_WE_G19/ A8401L_SZ_G19	15/150	
A8401SB_WE_G19	□	16.500
A8401SB_SZ_G19	■	20.900

Mặt cho MCB 1 cực	15/150	
A8401MCB_WE_G19	□	35.200
A8401MCB_SZ_G19	■	51.700

Mặt cho MCB 2 cực	15/150	
A8402MCB_WE_G19	□	35.200
A8402MCB_SZ_G19	■	51.700

Ổ cắm TV, mạng, điện thoại dòng Zencelo A

Ổ data cat6, size S	Đóng gói 18/180	Đơn giá (VNĐ)
8431SRJ6V_WE_G19	□	240.900
8431SRJ6V_BZ_G19	■	278.300

Ổ điện thoại, size S	24/240	
8431SRJ4_WE_G19	□	125.400
8431SRJ4_BZ_G19	■	145.200

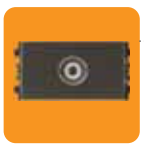

Ổ TV, size S	24/240	
8431STV_WE_G19	□	125.400
8431STV_BZ_G19	■	145.200

Công tắc dòng Zencelo A

Công tắc 1 chiều 16AX, size S	Đóng gói 24/240	Đơn giá (VNĐ)
8431S_1_WE_G19	□	66.000
8431S_1_BZ_G19	■	84.700

Công tắc 2 chiều 16AX, size S	24/240	
8431S_2_WE_G19	□	91.300
8431S_2_BZ_G19	■	108.900

Công tắc 1 chiều 16AX, size M	16/160	
8431M_1_WE_G19	□	83.600
8431M_1_BZ_G19	■	96.800

Công tắc 2 chiều 16AX, size M	16/160	
8431M_2_WE_G19	□	107.800
8431M_2_BZ_G19	■	124.300

Công tắc 1 chiều 16AX, size L	8/80	
8431L_1_WE_G19	□	92.400
8431L_1_BZ_G19	■	106.700

Công tắc 2 chiều 16AX, size L	8/80	
8431L_2_WE_G19	□	122.100
8431L_2_BZ_G19	■	136.400

Công tắc trung gian 16AX, size M	16/160	
8431M_3_WE_G19	□	133.100
8431M_3_BZ_G19	■	154.000

Công tắc 2 cực 20A, size M (Đèn LED sáng khi công tắc bật)	16/160	
8431MD20_WE_G19	□	250.800
8431MD20_BZ_G19	■	303.600

Nút nhấn chuông, size S	24/240	
8431SBP_WE_G19	□	117.700
8431SBP_BZ_G19	■	128.700

Nút che trơn, size S	45/450	
8430SP_WE_G19	□	9.900
8430SP_BZ_G19	■	12.100

Nút che trơn, size L	15/150	
8430LP_WE_G19	□	22.000
8430LP_BZ_G19	■	25.300

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ cắm cho dòng Zencelo A

Ổ cắm đơn 2 chấu 10A, size S	Đóng gói 24/240	Đơn giá (VNĐ)
84426SUS_WE_G19	□	60.500
84426SUS_BZ_G19	■	73.700

Ổ cắm đơn 3 chấu 16A, size 2S	12/120	
84426MUES_WE_G19	□	116.600
84426MUES_BZ_G19	■	140.800

Ổ cắm đôi 3 chấu 16A, size L	8/80	
84426LUES2_WE_G19	□	141.900
84426LUES2_BZ_G19	■	161.700

Ổ sạc USB 2.1A đơn, size S	12/120	NEW
8431USB_WE	□	367.400
8431USB_BZ	■	425.700

Ổ sạc USB 2.1A đôi, size 2S	6/60	NEW
8432USB_WE	□	507.100
8432USB_BZ	■	613.800

Thiết bị dành cho khách sạn dòng Zencelo A

Công tắc chìa khóa thẻ	Đóng gói 30/240	Đơn giá (VNĐ)
A8431EKT_WE	□	1.107.700
A8431EKT_SZ	■	1.274.900

Ổ cắm dao cạo râu	1/18	
A84727_WE	□	2.234.100
A84727_SZ	■	2.819.300

Đèn hiện thị "Không làm phiền"	24/240	
8430SDND_WE_G19	□	283.800
8430SDND_BZ_G19	■	343.200

Đèn hiển thị "Xin dọn phòng"	24/240	
8430SPCU_WE_G19	□	283.800
8430SPCU_BZ_G19	■	343.200

Công tắc "Không làm phiền"	24/240	
8431SDND_WE_G19	□	393.800
8431SDND_BZ_G19	■	477.400

Công tắc "Xin dọn phòng"	24/240	
8431SPCU_WE_G19	□	393.800
8431SPCU_BZ_G19	■	477.400

Phụ kiện dòng Zencelo A

Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt	Đóng gói 12/48	Đơn giá (VNĐ)
3031V400FM_K_WE	□	387.200
3031V400FM_C15518	■	418.000

Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn 500W	12/48	
3031V500M_K_WE	□	320.100
3031V500M_C15518	■	412.500

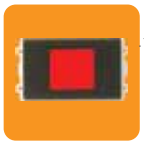

Đèn bảo đỏ	24/240	
8430SNRD_WE_G19	□	148.500
8430SNRD_BZ_G19	■	173.800

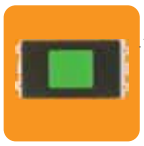

Đèn báo xanh	24/240	
8430SNGN_WE_G19	□	148.500
8430SNGN_BZ_G19	■	173.800

THAM KHẢO MÀU SẮC

□ Mã_WE
Màu trắng

■ Mã_BZ
Màu đồng ánh bạc

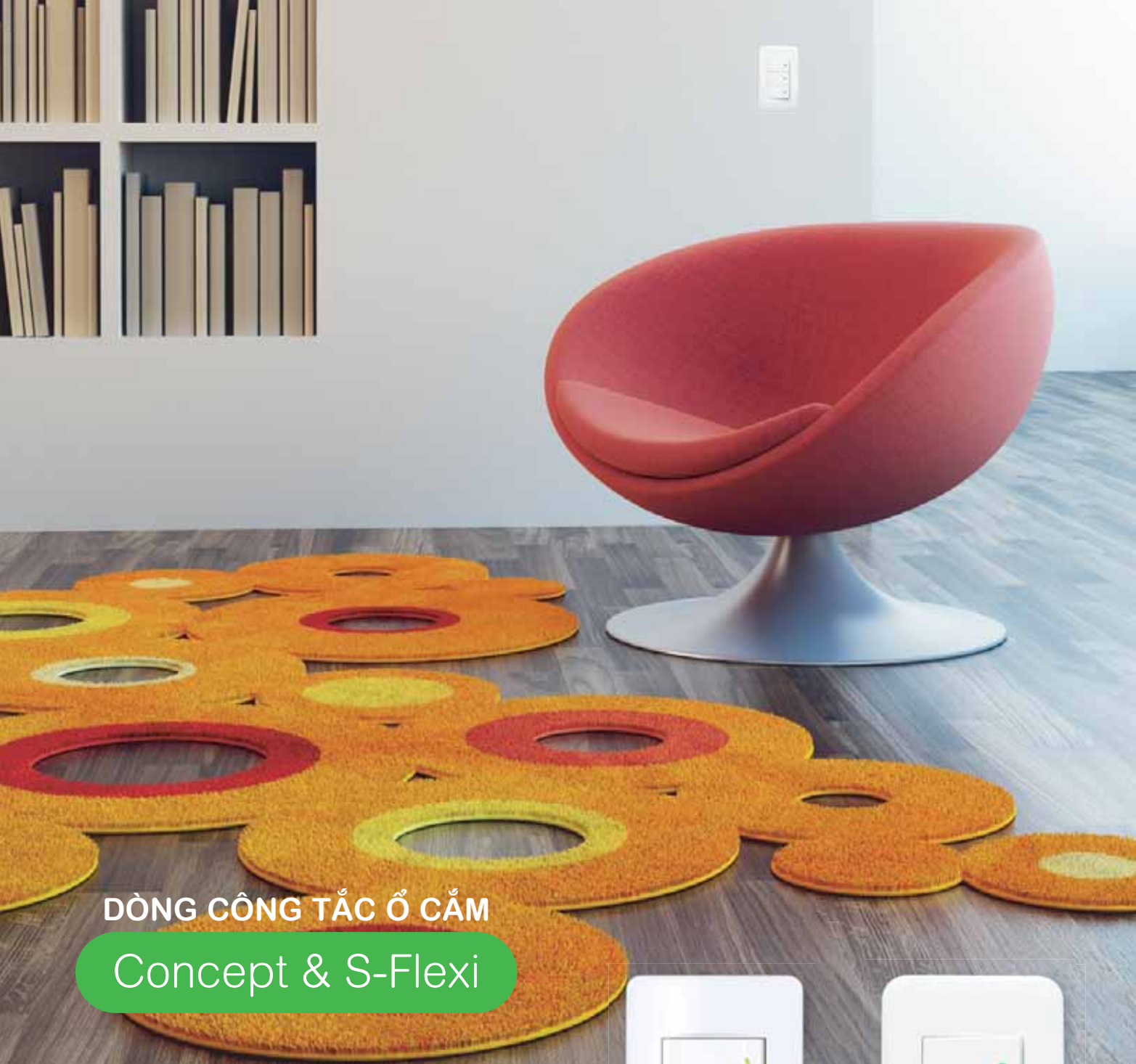

DÒNG CÔNG TẮC Ổ CẮM

Concept & S-Flexi

Ưu điểm nổi bật

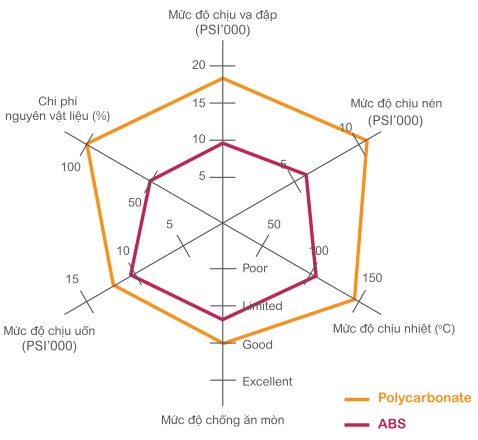

Sản phẩm Schneider Electric sử dụng vật liệu **polycarbonate** chống trầy xước, không ngả vàng và bền bỉ với thời gian.

Mặt cho dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Mặt cho 1 thiết bị, size S A3001_G19	20/200	17.600
Mặt cho 2 thiết bị, size S A3002_G19	20/200	17.600
Mặt cho 3 thiết bị, size S A3000_G19	20/200	17.600
Mặt cho 4 thiết bị, size S A3004T2_WE_G19	15/150	39.600
Mặt cho 6 thiết bị A3000T2_G19	10/100	39.600
Mặt che trơn A3030VX_G19	20/200	17.600
Lõi che cầu dao an toàn (Dùng với A3000_G19) A3001SB_WE_G19	10/100	11.000
Mặt cho MCB 1 cực A3001MCB_WE_G19	15/150	19.800
Mặt cho MCB 2 cực A3002MCB_WE_G19	15/150	19.800

Công tắc dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Công tắc 1 chiều 16AX có dạ quang, size S 3031_1_2M_F_G19	12/60/600	23.100
Công tắc 2 chiều 16AX có dạ quang, size S 3031_2_3M_F_G19	12/60/600	44.000
Công tắc 1 chiều 16AX có dạ quang, size M 3031M1_2M_F_G19	8/40/400	51.700
Công tắc 2 chiều 16AX có dạ quang, size M 3031M2_3M_F_G19	8/40/400	70.400
Công tắc 1 chiều 16AX có dạ quang, size L 3031E1_2M_F_G19	4/20/200	61.600
Công tắc 2 chiều 16AX có dạ quang, size L 3031E2_3M_F_G19	4/20/200	75.900
Công tắc 1 chiều 16AX có đèn báo, size S 3031_1_2NM_G19	12/60600	113.300
Công tắc 2 cực 20A có đèn báo, size L 3031EMD20NM_G19	4/20/200	135.300
Nút nhấn chuông, size L 3031EMBP2_3_G19	4/20/200	69.300
Nút che trơn, size S 3030P_G19	24/120/1200	8.800

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ cắm dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Ổ cắm đơn 2 chấu 10A 3426USM_G19	12/60/600	37.400
Ổ cắm đơn 3 chấu 16A 3426UESTM_G19	6/30/300	68.200
Ổ cắm đôi 3 chấu 16A 3426UEST2M_G19	32/320	93.500
Ổ cắm sạc USB 2.1A đơn 3031USB_WE	48/480	NEW 352.000
Ổ cắm sạc USB 2.1A đôi 3032USB_WE	48/480	NEW 468.600

Ổ TV, mạng, điện thoại dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Ổ cắm angten TV 3031TV75MS_G19	12/60/600	86.900
Ổ cắm điện thoại 3031RJ64M_G19	12/60/600	78.100
Ổ cắm mạng cat5e 3031RJ88SMA5_G19	12/48/480	174.900

Phụ kiện dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt 3031V400FM_K_WE	12/48	387.200
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn 500W 3031V500M_K_WE	12/48	320.100
Đèn báo đỏ 3031NRD_G19	12/60/600	63.800
Đèn báo xanh 3031NGN_G19	12/60/600	63.800

Thiết bị dành cho khách sạn dòng Concept

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ ổ cắm dao cạo râu A3727_WE	1/20	1.317.800
Công tắc thẻ A3031EKT_WE	8/80	826.100
Đèn báo "Không làm phiền" 3031NDM_RD_G19	12/60	202.400
Đèn báo "Xin dọn phòng" 3031NPM_GN_G19	12/60	202.400
Công tắc nhấn "Không làm phiền", "Xin dọn phòng" 3039M_G19	12/60	280.500

Chuông điện và nút nhấn

Bộ chuông cửa cao cấp

- Nút nhấn có đèn LED định vị sang trọng

Chuông điện 99AC220	298.100
Nút nhấn chuông IP44, màu xám A3031WBP_GY_G19	243.100
Nút nhấn chuông IP44, màu trắng A3031WBP_WE_G19	243.100

Giá trên đã bao gồm VAT

Mặt cho dòng S-Flexi

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Mặt cho 1 thiết bị, size S	10/100	
FG1051_WE		15.400
Mặt cho 2 thiết bị, size S	10/100	
FG1052_WE		15.400
Mặt cho 3 thiết bị, size S	10/100	
FG1053_WE		15.400
Mặt cho 4 thiết bị, size S	15/150	
FST1054H_WE_G19		39.600
Mặt cho 6 thiết bị, size S	10/100	
FST1058H_WE_G19		39.600
Mặt cho 1 thiết bị, size M	10/100	
FG1050_WE		15.400
Nút che trơn có lỗ trống, size M	10/100	
F50XM2_WE		12.100
Lõi che cầu dao an toàn (Dùng với FG1053_WE)	40/400	
FG1051SB_WE_G19		15.400
Mặt cho MCB 1 cực	10/100	
FG1051MCB_WE_G19		19.800
Mặt cho MCB 2 cực	10/100	
FG1052MCB_WE_G19		19.800

Công tắc dòng S-Flexi

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Công tắc 1 chiều 16AX, size S	36/360	
F50M1_5_WE		15.400
Công tắc 2 chiều 16AX, size S	36/360	
F50_2M1_5_WE		44.000
Công tắc 1 chiều 16AX, size M	20/200	
F50M2_WE		30.800
Công tắc 2 chiều 16AX, size M	20/200	
F50_2M2_WE		45.100
Công tắc 1 chiều 16AX, size L	36/360	
F50M4_WE		39.600
Công tắc 2 chiều 16AX, size L	36/360	
F50_2M4_WE		49.500
Công tắc 1 chiều 16AX, size XS	40/400	
F50M1_WE		24.200
Công tắc 2 chiều 16AX, size XS	40/400	
F50_2M1_WE		36.300
Công tắc trung gian 10AX, size S	32/320	
F50MIA1_5_WE		146.300
Nút nhấn chuông 10A, size L	12/120	
F50BPM4_WE		57.200
Nút che trơn, size XS	55/550	
F50XM1_WE		12.100

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ cắm dòng S-Flexi

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Ổ cắm đơn 2 chấu 10A, size S	30/300	
F30426USM_WE_G19		29.700
Ổ cắm đơn 2 chấu 10A, size M	32/320	
F1426USM_WE_G19		64.900
Ổ cắm đơn 3 chấu 16A, size M	32/320	
F1426UESM_WE_G19		84.700
Ổ cắm đơn đa năng 13A, size M	32/320	
F1426UAM_WE		84.700
Ổ cắm đôi 3 chấu 16A, size L	32/320	
F1426UEST2M_G19		86.900

Ổ TV, mạng, điện thoại dòng S-Flexi

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Ổ cắm TV, size S	30/300	
F30TVSM_WE_G19		62.700
Ổ điện thoại, size S	30/300	
F30R4M_WE_G19		78.100
Ổ cắm mạng cat5e, size S	30/300	
F30RJ5EM_WE_G19		161.700
Ổ cắm TV, size M	40/400	
F50TVM_WE_G19		68.200
Ổ điện thoại, size M	32/320	
F50RJ4M_WE_G19		103.400
Ổ cắm mạng cat5e, size M	24/240	
F50RJ5EM_WE_G19		188.100
Ổ cắm mạng cat6, size M	24/240	
F50RJ8M6_WE_G19		210.100

Phụ kiện dòng S-Flexi

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Công tắc điều chỉnh tốc quạt 250W, size M	16/160	
F50FC250M_WE		226.600
Công tắc điều chỉnh độ sáng đèn 400W, size M	16/160	
F50RD400M_WE		190.300
Đèn báo đỏ, size S	30/300	
F30NM2_RD_G19		59.400

Phích cắm

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Phích cắm 2 chấu, 10A	18/360	
U418T2_C5		61.600
Phích cắm 3 chấu, 16A	10/200	
U418T_WE		79.200
Phích cắm 3 chấu, 13A, kiểu Anh	20/200	
EP13_G19		176.000
Phích cắm 3 chấu, 15A, kiểu Anh	20/200	
EP15_WE_G19		207.900

Đế âm, đế nổi, hộp nổi

	Đơn giá (VNĐ)
Đế âm đơn kim loại, 101x51x38mm	
157	35.200
Hộp nổi dùng cho mặt sê-ri 30	
CK237	29.700
Hộp nổi, 4"x4"x2"	
DS036_WE	41.800
Hộp nổi, 6"x6"x3"	
DS039_WE	121.000

Giá trên đã bao gồm VAT

Mặt cho dòng S-Classic

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Mặt cho 1 thiết bị 31AVH_G19	30/300	24.200
Mặt cho 2 thiết bị 32AVH_G19	30/300	24.200
Mặt cho 3 thiết bị 33AVH_G19	30/300	24.200
Mặt cho 4 thiết bị 34AVH_G19	30/300	44.000
Mặt cho 5 thiết bị 35AVH_G19	30/300	44.000
Mặt cho 6 thiết bị 36AVH_G19	30/300	44.000
Mặt che trơn 31AVX_G19	30/300	44.000
Mặt cho cầu dao an toàn 31AVMCB_G19	20/200	39.600
Mặt cho MCB 1 cực 31AVMCB1_G19	30/300	39.600
Mặt cho MCB 2 cực 31AVMCB2_G19	30/300	39.600

Ổ cắm dòng S-Classic

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ ổ cắm đơn 2 chấu 16A E426UST_G19	15/150	62.700
Bộ ổ cắm đôi 2 chấu 16A E426UST2CB_G19	15/150	105.600
Bộ ổ cắm đơn 2 chấu 16A và 1 lỗ trống E426UX_G19	20/200	96.800
Bộ ổ cắm đơn 2 chấu 16A và 2 lỗ trống E426UXX_G19	20/200	96.800
Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 16A E426UEST_G19	15/150	111.100
Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A E426UEST2_T_G19	15/150	141.900
Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 16A và 1 lỗ trống E426UEX_G19	20/200	129.800
Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 16A có công tắc E25UES_G19	20/200	184.800

Ổ TV, mạng, điện thoại dòng S-Classic

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Ổ cắm angten TV 30TV75MS_G19	20/100/1000	73.700
Ổ điện thoại DCV30MNUWT	20/400	111.100
Ổ cắm mạng cat5e ACTRJ30M5ENSUWE	20/400	124.300
Ổ cắm mạng cat5e VDIB17355UWE	20/400	137.500

Giá trên đã bao gồm VAT

Công tắc dòng S-Classic

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Công tắc 1 chiều 10A	20/100/1000	
E30_1M_D_G19		19.800
Công tắc 2 chiều	20/100/1000	
30M_G19		45.100
Công tắc đơn 2 cực 20A	10/160/320	
30MD20_WE		150.700
Công tắc chuông 3A, có biểu tượng chuông	20/100/1000	
30MBP2_3J_G19		75.900

Phụ kiện dòng S-Classic

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Công tắc điều chỉnh tốc độ quạt 400W, không có chức năng ON/OFF		
32V400FM_K_WE		283.800
Công tắc điều chỉnh ánh sáng đèn 500W, không có chức năng ON/OFF		
32V500M_K_WE		255.200
Đèn báo đỏ	32/160/1600	
E32NRD_G19		49.500

Thiết bị dành cho khách sạn dòng S-Classic

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ ổ cắm dao cạo râu	1/20	
E727_WE		1.403.600
Công tắc chìa khóa thẻ 20A	5/50	
E31KT_WE_C5		495.000

Mặt che phòng thấm nước

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Mặt che phòng thấm nước cho mặt sê ri 30	6/120	
223V		333.300
Mặt che phòng thấm nước cho dòng S-Flexi (không đế)		
F3223HR_WE_G19		251.900
Mặt che phòng thấm nước cho dòng S-Flexi, màu trắng (có đế)		
F3223HSMR_WE_G19		396.000
Mặt che phòng thấm nước cho dòng Concept (không đế)		
A3223HR		310.200
Mặt che phòng thấm nước cho dòng Concept, màu trắng (có đế)		
A3223HSMR_G19		434.500
Mặt che (không đế) phòng thấm nước mặt đơn cho ổ cắm, loại 1 gang, IP55		
E223R_TR		422.400
Mặt che (không đế) phòng thấm nước mặt đôi cho ổ cắm, loại 2 gang, IP55		
ET223R_TR		454.300
Mặt che (không đế) phòng thấm nước mặt đơn cho công tắc, loại 1 gang, IP55		
E223M_TR		422.400

Giá trên đã bao gồm VAT

Mặt cho dòng E30

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Mặt cho 1 thiết bị E31_WE	20/400	40.700
Mặt cho 2 thiết bị E32_WE	20/400	40.700
Mặt cho 3 thiết bị E33_WE	20/400	40.700
Mặt che trơn E31X_WE	20/400 □	52.800

Ổ cắm dòng E30

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 13A có công tắc, kiểu Anh E15R_WE	10/100	151.800
Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 13A có công tắc, kiểu Anh E25R_WE	5/50	422.400
Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 13A có công tắc đèn báo, kiểu Anh E25N_WE	5/50	504.900
Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 15A, kiểu Anh E426_15_WE	10/100	136.400
Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 15A có công tắc, kiểu Anh E15_15R_WE	10/100	212.300
Ổ cắm Schuko 16A E426_16_WE	10/100	178.200

Công tắc mặt kim loại

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ công tắc đơn 1 chiều 10A, mặt kim loại ESM31_1_2AR	5/50	317.900
Bộ công tắc đôi 1 chiều 10A, mặt kim loại ESM32_1_2AR	5/50	411.400
Bộ công tắc ba 1 chiều 10A, mặt kim loại ESM33_1_2AR	5/50	522.500
Bộ công tắc bốn 1 chiều 10A, mặt kim loại ESM34_1_2AR	5/50	558.800
Bộ công tắc đơn 2 chiều 10A, mặt kim loại ESM31_2_3A	5/50	353.100
Bộ công tắc đôi 2 chiều 10A, mặt kim loại ESM32_2_3A	5/50	457.600

Ổ cắm mặt kim loại

	Đóng gói	Đơn giá (VNĐ)
Bộ ổ cắm đơn 3 chấu 13A có công tắc, mặt kim loại ESM15	5/50	410.300
Bộ ổ cắm đôi 3 chấu 13A có công tắc, mặt kim loại ESM25	5/50	751.300

Giá trên đã bao gồm VAT

Loại gắn thanh ray - Cảm biến rời

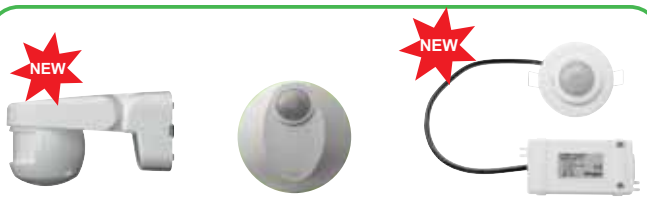

CCT56P004 SAE_UE_MS_CSBWE CCT56P001 CCT570003

Twilight switch - Cảm biến độ sáng

	Đơn giá (VNĐ)
Cảm biến độ sáng 2-2000lux gắn tủ điện, tải 16A	
CCT15284	4.890.600
Cảm biến độ sáng 2-2000lux gắn tường, tải 16A	
CCT15368	6.395.400
Cảm biến độ sáng 3-2000lux gắn tường, tải 10A	
MTN544829	3.424.300

Ổ âm sàn

Ổ âm sàn chưa kèm thiết bị

Ổ cắm âm sàn cho S-Flexi có đế âm, màu nhũ bạc	
E224F_ABE	1.278.200

Ổ cắm âm sàn cho S-Flexi có đế âm, màu nhũ vàng	
E224F_BAS	1.610.400

Ổ cắm âm sàn cho Concept có đế âm, màu nhũ bạc	
CON224_ABE_G5	1.278.200

Đế sắt cho ổ âm sàn, 100x100x55mm	
M224B	79.200

Đế sắt cho ổ âm sàn, 100x100x65mm	
M224DB	129.800

Cảm biến hồng ngoại

	Đơn giá (VNĐ)
Cảm biến hồng ngoại, 1 kênh, 2000W, 360 độ	
SAE_UE_MS_CSAWE	1.474.000
Cảm biến hồng ngoại 1 kênh, 1000W, 360 độ, mini	
CCT56P001	1.592.800
Cảm biến hồng ngoại 2 kênh 1000W, 360 độ, mini	
CCT570003	1.853.500
Cảm biến hồng ngoại 1 kênh 1000W, 360 độ, mini	
CCT570005	1.853.500
Cảm biến hồng ngoại 1000W, 120 độ, ngoài trời	
CCT56P004	2.189.000
Cảm biến hồng ngoại & siêu âm, 1 kênh, 2000W	
CCT551011	4.944.500
Điều khiển từ xa dùng cho lập trình cho CCT551011	
CCT556011	968.000

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ cắm chống sét lan truyền thế hệ mới

Sét và hiện tượng xung điện có thể làm hư hỏng các thiết bị điện tử không được bảo vệ. Dao động điện có thể khóa bảng điều khiển làm mất dữ liệu công việc và làm suy giảm tuổi thọ của các thiết bị điện tử theo thời gian. Ổ cắm chống sét lan truyền thế hệ mới sẽ bảo vệ các thiết bị điện tử gia dụng và văn phòng của bạn tránh khỏi mối đe dọa do nhiễu loạn điện gây ra.

Surge Protector

Mã hàng	Mô tả	Đơn giá
PM1W-VN	1 ổ cắm; điện áp 230V	281.600
PM1WU2-VN	1 ổ cắm; điện áp 230V; 2 cổng sạc USB 2.4A	528.000
PM53-VN	5 ổ cắm; dây nguồn 3m; điện áp 230V	774.400
PM53U-VN	5 ổ cắm; dây nguồn 3m; điện áp 230V; 2 cổng sạc USB 5V, 2.4A	1.126.400
PM63-VN	6 ổ cắm; dây nguồn 3m; điện áp 230V	1.020.800
PM63U-VN	6 ổ cắm; dây nguồn 3m; điện áp 230V; 2 cổng sạc USB 5V, 2.4A	1.372.800

- 2 cổng sạc USB*
- Tấm chắn bảo vệ trẻ em
- Lỗ cắm treo tường
- Bảo hành 10 năm
- 6 ổ cắm điện đầu ra chống xung điện*
- Đèn LED hiển thị báo quá tải và tiếp đất
- Dây nguồn 3m xoay 180°
- Khả năng dập xung sét 1836 Joules*

* Tùy SKU

Life Is On | APC by Schneider Electric

Phích Cắm Di Động - Plug

Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
IP44	2P+E 230V	16A	PKE16M423	151.800
		32A	PKE32M423	279.400
	3P+E 400V	16A	PKE16M434	183.700
		32A	PKE32M434	321.200
	4P+E 400V	16A	PKE16M435	217.800
		32A	PKE32M435	330.000

Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
IP67	2P+E 230V	16A	PKE16M723	388.300
		32A	PKE32M723	520.300
		63A	81378	1.148.400
		125A	81390	2.669.700
	3P+E 400V	16A	PKE16M734	445.500
		32A	PKE32M734	556.600
		63A	81382	1.213.300
		125A	81394	2.756.600
	4P+E 400V	16A	PKE16M735	475.200
		32A	PKE32M735	605.000
		63A	81383	1.410.200
		125A	81395	2.825.900

Ổ Nối Di Động - Connectors

Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
IP44	2P+E 230V	16A	PKF16M423	206.800
		32A	PKF32M423	309.100
	3P+E 400V	16A	PKF16M434	234.300
		32A	PKF32M434	368.500
	4P+E 400V	16A	PKF16M435	273.900
		32A	PKF32M435	459.800

Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
IP67	2P+E 230V	16A	PKF16M723	407.000
		32A	PKF32M723	575.300
		63A	81478	1.287.000
		125A	81490	3.449.600
	3P+E 400V	16A	PKF16M734	456.500
		32A	PKF32M734	622.600
		63A	81482	1.433.300
		125A	81494	3.776.300
	4P+E 400V	16A	PKF16M735	531.300
		32A	PKF32M735	677.600
		63A	81483	1.614.800
		125A	81495	3.953.400

Giá trên đã bao gồm VAT

Ổ Cắm Âm Dạng Thẳng
Straight Panel Mounted Socket

	Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16G423	205.700
			32A	PKF32G423	313.500
		3P+E 400V	16A	PKF16G434	229.900
			32A	PKF32G434	332.200
		4P+E 400V	16A	PKF16G435	250.800
			32A	PKF32G435	380.600
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16G723	416.900
			32A	PKF32G723	563.200
			63A	81678	1.083.500
			125A	81690	2.679.600
		3P+E 400V	16A	PKF16G734	497.200
			32A	PKF32G734	603.900
			63A	81682	1.230.900
			125A	81694	2.790.700
		4P+E 400V	16A	PKF16G735	569.800
			32A	PKF32G735	642.400
			63A	81683	1.259.500
			125A	81695	3.168.000

Ổ Cắm Âm Dạng Nghiêng
Angle Panel Mounted Socket

	Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	IP44	2P+E 230V	16A	PKF16F423	205.700
			32A	PKF32F423	313.500
		3P+E 400V	16A	PKF16F434	229.900
			32A	PKF32F434	332.200
		4P+E 400V	16A	PKF16F435	250.800
			32A	PKF32F435	380.600
	IP67	2P+E 230V	16A	PKF16F723	433.400
			32A	PKF32F723	563.200
			63A	81278	1.083.500
			125A	81290	2.679.600
		3P+E 400V	16A	PKF16F734	497.200
			32A	PKF32F734	603.900
			63A	81282	1.230.900
			125A	81294	2.790.700
		4P+E 400V	16A	PKF16F735	569.800
			32A	PKF32F735	642.400
			63A	81283	1.259.500
			125A	81295	3.168.000

Ổ Cắm Nổi - Wall Mounted Socket

Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
IP44	2P+E 230V	16A	PKF16W423	279.400
		32A	PKF32W423	459.800
	3P+E 400V	16A	PKF16W434	349.800
		32A	PKF32W434	509.300
	4P+E 400V	16A	PKF16W435	363.000
		32A	PKF32W435	503.800

Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
IP67	2P+E 230V	16A	PKF16W723	559.900
		32A	PKF32W723	750.200
		63A	81178	1.635.700
		125A	81190	4.204.200
	3P+E 400V	16A	PKF16W734	619.300
		32A	PKF32W734	772.200
		63A	81182	1.695.100
		125A	81194	4.404.400
	4P+E 400V	16A	PKF16W735	716.100
		32A	PKF32W735	911.900
		63A	81183	1.964.600
		125A	81195	4.521.000

Ổ Nối Nhiều Ngả - Multi Adapter

Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
IP44	2P+E 230V	16A	PKZM403	1.508.100
IP67	2P+E 230V	16A	PKZM703	1.773.200

Cấp độ	Số cực - Điện áp	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
IP44	2P+E 230V	16A	PKZM409	1.840.300
IP67	2P+E 230V	16A	PKZM709	2.219.800

Giá trên đã bao gồm VAT

CÔNG TẮC & Ổ CẮM PHÒNG THẤM NƯỚC DÒNG S56

S56P315RPGY

S56SO313GY

S56SW110GY

WHS20_GY

56C315GY

56E1 56E2

Phích Cắm - Plug, IP66

Số cực	Điện áp (V)	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3P	250V	10A	S56P310GY_G15	759.000
		13A	S56P313GY_G15	600.600
		15A	S56P315GY_G15	920.700
		15A	S56P315RPGY_G15	859.100
		20A	S56P320GY_G15	1.017.500
		32A	S56P332GY_G15	1.067.000
4P	500V	20A	S56P420GY_G15	1.175.900
		32A	S56P432GY_G15	1.364.000
		50A	S56P450GY_G15	1.364.000
5P	500V	20A	S56P520GY_G15	1.364.000
		32A	S56P532GY_G15	2.057.000
		40A	S56P540GY_G15	2.057.000

Công Tắc - Switch, IP66

1P	250V	10A	S56SW110GY	666.600
		20A	S56SW120GY	800.800
		32A	S56SW132GY	834.900
2P	500V	20A	S56SW220GY	974.600
		32A	S56SW232GY	974.600
		50A	S56SW250GY	1.257.300
		63A	S56SW263GY	1.257.300
3P	500V	10A	S56SW310GY	918.500
		16A	S56SW316GY	1.098.900
		20A	S56SW320GY	1.405.800
		32A	S56SW332GY	1.405.800
		50A	S56SW350GY	1.591.700
		63A	S56SW363GY	1.591.700

Hộp Đế - Mounting Enclosure, IP66

101x101x38	S56ES1GY_G15	148.500
101x198x38	S56ES2GY_G15	182.600
101x101x63	S56E1GY_G15	167.200
101x198x63	S56E2GY_G15	319.000

Ổ Cắm - Surface Socket, IP66

Số cực	Điện áp (V)	Dòng điện (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3P	250V	10A	S56SO310GY	649.000
		13A	S56SO313GY	717.200
		15A	S56SO315GY	1.093.400
		15A	S56SO315RPGY	1.322.200
		20A	S56SO320GY	1.210.000
		32A	S56SO332GY	1.349.700
4P	500V	20A	S56SO420GY	1.349.700
		32A	S56SO432GY	1.626.900
		50A	S56SO450GY	1.751.200
5P	500V	20A	S56SO520GY	2.120.800
		32A	S56SO532GY	2.120.800
		40A	S56SO540GY	2.120.800

Ổ Cắm Có Công Tắc - Switched Socket, IP66

3P	250V	10A	S56C310GY	1.288.100
		13A	S56C313GY	1.312.300
		15A	S56C315GY	1.917.300
		15A	S56C315RPGY	1.878.800
		20A	S56C320GY	1.706.100
		32A	S56C332GY	2.476.100
4P	500V	20A	S56C420GY	2.476.100
		32A	S56C432GY	2.476.100
		50A	S56C450GY	2.970.000
5P	500V	20A	S56C520GY	4.455.000
		32A	S56C532GY	4.651.900
		40A	S56C540GY	4.651.900

Ngắt Điện Phòng Thấm Nước - Isolator, IP66

1P	250V	20A	WHS20_GY	917.400
		35A	WHS35_GY	981.200
		55A	WHS55_GY	948.200
2P	500V	20A	WHD20_GY	969.100
		35A	WHD35_GY	1.023.000
		55A	WHD55_GY	1.323.300
		63A	WHD63_GY	1.312.300
3P	500V	20A	WHT20_GY	1.024.100
		35A	WHT35_GY	1.338.700
		55A	WHT55_GY	1.543.300
		63A	WHT63_GY	1.733.600
		80A	WHT80_GY	2.797.300

Giá trên đã bao gồm VAT

Biến hóa tủ điện, sáng tạo phong cách
Tùy biến mặt tủ dễ dàng
Lắp đặt linh hoạt
Đẳng cấp vượt trội

Dễ dàng lắp đặt

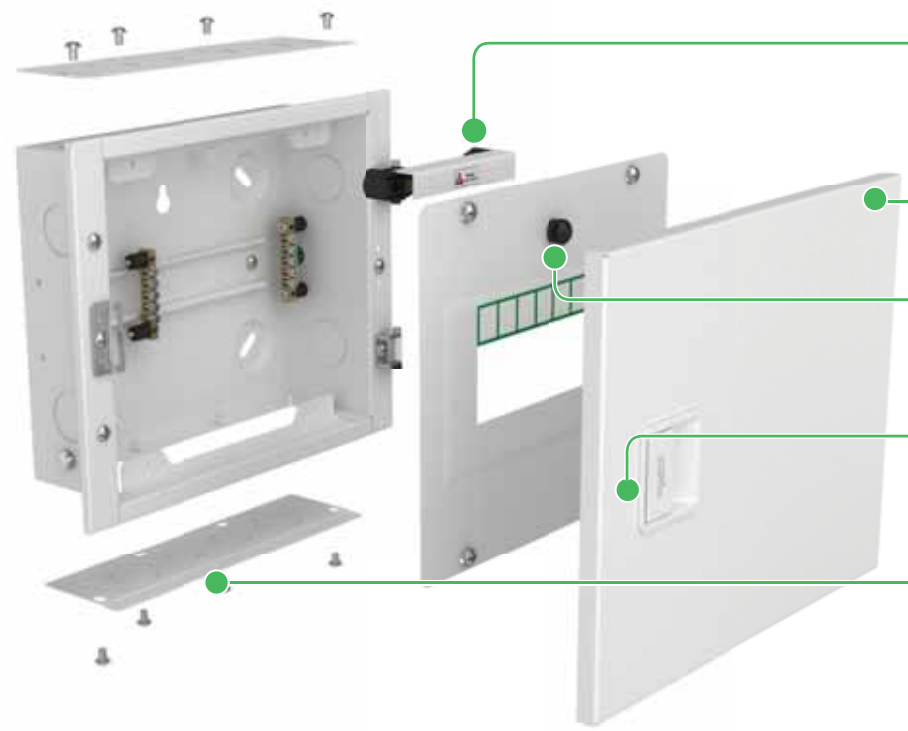

Thanh nối đất có thể gắn phía trên hay gắn phía dưới

Cửa tủ thiết kế phẳng, có thể thay đổi chiều mở cửa

Miếng che trung tâm, cố định thiết bị dễ dàng

Khóa tủ tinh tế

Miếng che có thể tháo rời khi luồn nhiều ống dây

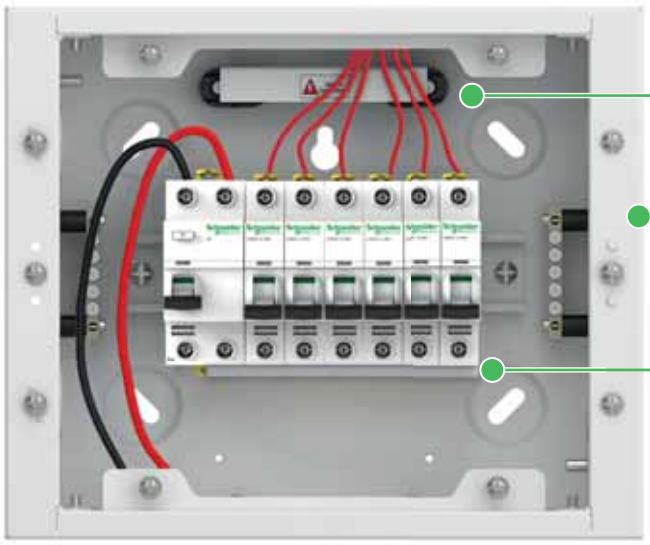

Tối ưu không gian đấu dây

Tấm che ngăn xi măng và bụi khi thi công

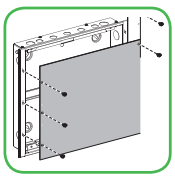

Phụ kiện thanh răng lược

TỦ ĐIỆN DÂN DỤNG

Cấp độ bảo vệ IP40
Cấp độ chống va đập cơ khí IK07
Độ cách ly điện: Cấp 2
Đáp ứng tiêu chuẩn IEC 60695-2-11, IEC 60439-3, IEC 60529, EN 50102, IEC 60670-24

Tủ điện nhựa âm tường - Mini Pragma

Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Cửa trắng	Cửa mờ	Đơn giá (VNĐ)
4	150x252x98	MIP22104	MIP22104T	397.100
6	186x252x98	MIP22106	MIP22106T	440.000
8	222x252x98	MIP22108	MIP22108T	518.100
12	294x252x98	MIP22112	MIP22112T	734.800
18	402x252x98	MIP22118	MIP22118T	1.125.300
24	294x377x98	MIP22212	MIP22212T	1.237.500
36	294x502x98	MIP22312	MIP22312T	1.449.800

Tủ điện nhựa nổi - Mini Pragma

Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Cửa trắng	Cửa mờ	Đơn giá (VNĐ)
4	124x198x95	MIP12104	MIP12104T	388.300
6	160x198x95	MIP12106	MIP12106T	425.700
8	196x228x101.5	MIP12108	MIP12108T	508.200
12	268x228x101.5	MIP12112	MIP12112T	686.400
18	376x228x101.5	MIP12118	MIP12118T	1.124.200
24	268x353x102	MIP12212	MIP12212T	1.266.100
36	267x478x102	MIP12312	MIP12312T	1.485.000

Tủ điện nhựa âm tường - Easy9 box

Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4	136x222x92	EZ9E0104	178.200
8	208x222x92	EZ9E0108	315.700
12	280x222x92	EZ9E0112	433.400

Tủ điện kim loại Acti9 NEW

Số module (18mm)	Kích thước (WxHxD)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4	221x244x98	A9HESN04	885.500
6	257x244x98	A9HESN06	1.040.600
8	293x244x98	A9HESN08	1.249.600
12	365x244x98	A9HESN12	1.457.500
16	437x244x98	A9HESN16	2.186.800

Giá trên đã bao gồm VAT

Acti9

Đẳng cấp, tính năng vượt trội. Tuân theo các yêu cầu RoHS, tiêu chuẩn REACH. Được thiết kế với tính năng VisiSafe và VisiTrip

Easy9

Chất lượng, an toàn, giá cạnh tranh. Được kiểm tra chất lượng bởi các tổ chức quốc tế.
Đạt chứng chỉ quản lý chất lượng ISO 9001 và môi trường ISO 14000.

Giải pháp an toàn tuyệt đối cho ngôi nhà của bạn

- Bảo vệ quá tải và ngắn mạch với MCB
- Bảo vệ chống sét lan truyền với SPD
- Bảo vệ dòng rò với RCCB
- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch và dòng rò với RCBO

Easy9

Chất lượng, an toàn, giá cạnh tranh.
Được kiểm tra chất lượng bởi
các tổ chức quốc tế.
Đạt chứng chỉ quản lý chất lượng
ISO 9001 và môi trường ISO 14000.

Cầu dao tự động Easy9 bao gồm các chức năng:

Cách lựa chọn MCB:

Thiết bị	Công suất tiêu thụ	Dòng điện MCB (A)	Đường cong
Máy lạnh	4.7 HP	16	"C"
	7.1 HP	20	
	9.5 HP	20	
	14 HP	25	
Tủ lạnh	165 liters	2	
	285 liters	2	
Máy xay sinh tố	200 W	1	"C"
Máy hút bụi	50 W	0.5	
Máy giặt	300 W	2	"C"
	1.3 KW	10	
Máy photocopy	1.5 KW	10	"C"
Máy nước nóng lạnh	500 W	3	

Easy9 MCB 1P, 4.5kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	EZ9F34106	82.500
10A	EZ9F34110	82.500
16A	EZ9F34116	82.500
20A	EZ9F34120	82.500
25A	EZ9F34125	82.500
32A	EZ9F34132	82.500
40A	EZ9F34140	121.000
50A	EZ9F34150	196.900
63A	EZ9F34163	196.900

Easy9 MCB 2P, 4.5kA, 230V, C curve

6A	EZ9F34206	228.800
10A	EZ9F34210	228.800
16A	EZ9F34216	228.800
20A	EZ9F34220	228.800
25A	EZ9F34225	228.800
32A	EZ9F34232	228.800
40A	EZ9F34240	228.800
50A	EZ9F34250	378.400
63A	EZ9F34263	378.400

Easy9 MCB 3P, 4.5kA, 400V, C curve

6A	EZ9F34306	413.600
10A	EZ9F34310	413.600
16A	EZ9F34316	413.600
20A	EZ9F34320	413.600
25A	EZ9F34325	413.600
32A	EZ9F34332	413.600
40A	EZ9F34340	413.600
50A	EZ9F34350	632.500
63A	EZ9F34363	632.500

Easy9 MCB 4P, 4.5kA, 400V, C curve

40A	EZ9F34440	592.900
50A	EZ9F34450	886.600
63A	EZ9F34463	886.600

Giá trên đã bao gồm VAT

Easy9 RCCB 2P/4P [AC type]

Cầu dao chống rò

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
30mA 2P		
25A	EZ9R36225	760.100
40A	EZ9R36240	798.600
63A	EZ9R36263	837.100
30mA 4P		
25A	EZ9R34425	1.085.700
40A	EZ9R34440	1.162.700
63A	EZ9R34463	1.551.000
300mA 4P		
40A	EZ9R64440	1.125.300
63A	EZ9R64463	1.279.300

Easy9 RCBO 1P+N 4.5kA 30mA [AC type]

Cầu dao bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
10A	EZ9D34610	641.300
16A	EZ9D34616	641.300
20A	EZ9D34620	641.300
25A	EZ9D34625	740.300
32A	EZ9D34632	740.300
40A	EZ9D34640	740.300

Easy9 SPD Chống sét lan truyền - Loại 2

Dòng điện	Imax (8/20µs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng
1P	20kA	EZ9L33120	631.400	EZ9F34116
1P	45kA	EZ9L33145	669.900	EZ9F34125
1P+N	20kA	EZ9L33620	829.400	EZ9F34216
3P+N	20kA	EZ9L33720	1.422.300	EZ9F34440
3P+N	45kA	EZ9L33745	1.476.200	EZ9F34440

Giá trên đã bao gồm VAT

Lựa chọn MCB phối hợp với SPD

Cách lựa chọn SPD

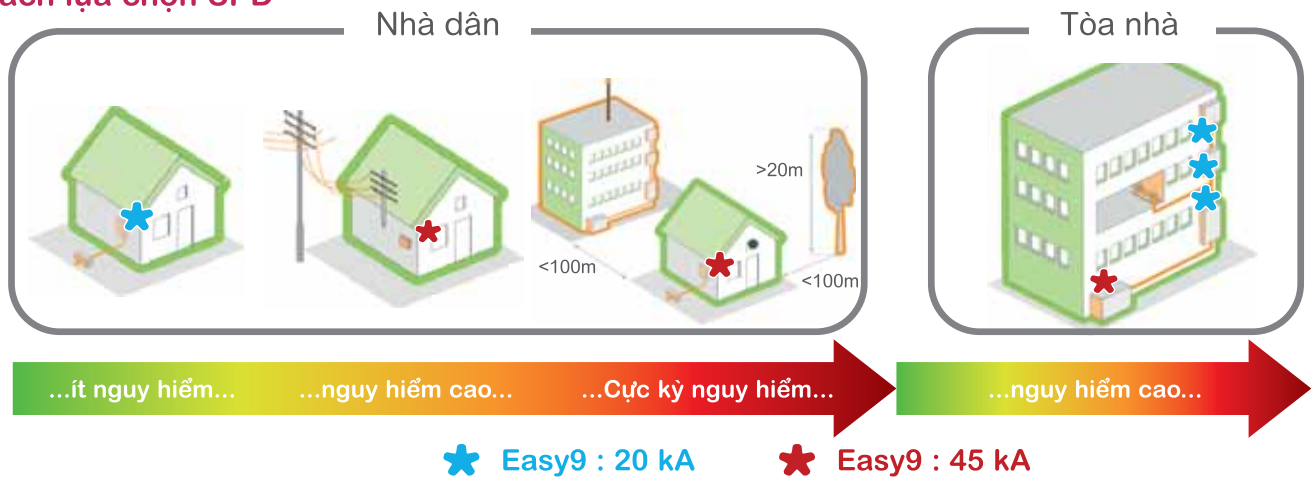

Cách lắp đặt SPD

Mạng điện 1 pha

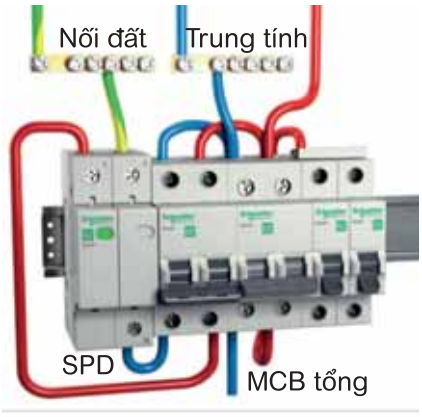

Mạng điện 3 pha

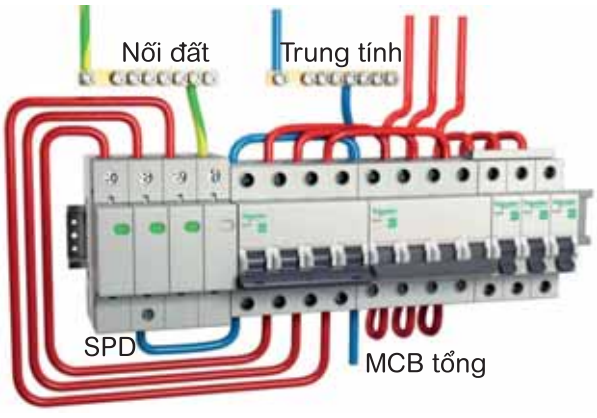

**Dây tiếp địa có tiết diện dây nhỏ nhất 4mm².*

Khi khoảng cách từ SPD đến thiết bị bảo vệ >30m nên lắp đặt thêm 1 SPD.

Acti9

Đẳng cấp, tính năng vượt trội

Tính năng VisiTrip với cửa sổ màu đỏ báo hiệu đóng ngắt do sự cố.

Tính năng VisiSafe với dãy màu xanh báo hiệu các tiếp điểm đã mở hoàn toàn

iK60N MCB 1P, 6kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9K27106	156.200
10A	A9K27110	156.200
16A	A9K27116	156.200
20A	A9K27120	156.200
25A	A9K27125	156.200
32A	A9K27132	156.200
40A	A9K24140	193.600
50A	A9K24150	237.600
63A	A9K24163	237.600

iC60N MCB 1P, 6kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F74106	182.600
10A	A9F74110	182.600
16A	A9F74116	182.600
20A	A9F74120	182.600
25A	A9F74125	182.600
32A	A9F74132	194.700
40A	A9F74140	222.200
50A	A9F74150	319.000
63A	A9F74163	319.000

iK60N MCB 2P, 6kA, 230V, C curve

6A	A9K27206	437.800
10A	A9K27210	437.800
16A	A9K27216	437800
20A	A9K27220	437.800
25A	A9K27225	437.800
32A	A9K27232	437.800
40A	A9K24240	526.900
50A	A9K24250	728.200
63A	A9K24263	728.200

iC60N MCB 2P, 6kA, 230V, C curve

6A	A9F74206	507.100
10A	A9F74210	507.100
16A	A9F74216	507.100
20A	A9F74220	524.700
25A	A9F74225	545.600
32A	A9F74232	575.300
40A	A9F74240	655.600
50A	A9F74250	924.000
63A	A9F74263	942.700

iK60N MCB 3P, 6kA, 400V, C curve

6A	A9K24306	708.400
10A	A9K24310	708.400
16A	A9K24316	708.400
20A	A9K24320	708.400
25A	A9K24325	708.400
32A	A9K24332	708.400
40A	A9K24340	823.900
50A	A9K24350	1.027.400
63A	A9K24363	1.027.400

iC60N MCB 3P, 6kA, 400V, C curve

6A	A9F74306	779.900
10A	A9F74310	779.900
16A	A9F74316	779.900
20A	A9F74320	779.900
25A	A9F74325	779.900
32A	A9F74332	822.800
40A	A9F74340	936.100
50A	A9F74350	1.329.900
63A	A9F74363	1.329.900

iK60N MCB 4P, 6kA, 400V, C curve

6A	A9K24406	1.106.600
10A	A9K24410	1.106.600
16A	A9K24416	1.106.600
20A	A9K24420	1.106.600
25A	A9K24425	1.106.600
32A	A9K24432	1.106.600
40A	A9K24440	1.520.200
50A	A9K24450	1.520.200
63A	A9K24463	1.520.200

iC60N MCB 4P, 6kA, 400V, C curve

6A	A9F74406	1.138.500
10A	A9F74410	1.138.500
16A	A9F74416	1.138.500
20A	A9F74420	1.195.700
25A	A9F74425	1.252.900
32A	A9F74432	1.322.200
40A	A9F74440	1.575.200
50A	A9F74450	2.055.900
63A	A9F74463	2.055.900

Giá trên đã bao gồm VAT

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI 9 – MCB iC60H & iC60L

- Dùng trong mạng lưới dân dụng hoặc công nghiệp.
- Tiêu chuẩn IEC 60898, IEC 60947-2
- Điện áp thử nghiệm xung (Uimp) : 6kV
- Đường cong loại C (Đường cong loại B, D xin liên hệ)

Tiêu chuẩn		IEC 947-2						IEC 898	
	1P	100 to 133V		220 to 240V		-		230V	
	2,3,4P	220 to 240V		380 to 415V		440V		400V	
MCB		iC60H	iC60L	iC60H	iC60L	iC60H	iC60L	iC60H	iC60L
Dòng điện	0.5 to 4A	70kA	100kA	70kA	100kA	50kA	70kA	10kA	15kA
	6 to 25A	30kA	-	15kA	25kA	10kA	20kA	10kA	15kA
	32/40A	30kA	-	15kA	20kA	10kA	15kA	10kA	15kA
	50/63A	-		15kA	15kA	10kA	10kA	10kA	15kA

iC60H, 1P, 10kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F84106	315.700
10A	A9F84110	315.700
16A	A9F84116	315.700
20A	A9F84120	331.100
25A	A9F84125	350.900
32A	A9F84132	369.600
40A	A9F84140	420.200
50A	A9F84150	525.800
63A	A9F84163	616.000

iC60L, 1P, 15kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9F94106	499.400
10A	A9F94110	499.400
16A	A9F94116	499.400
20A	A9F94120	523.600
25A	A9F94125	550.000
32A	A9F94132	584.100
40A	A9F94140	664.400
50A	A9F94150	833.800
63A	A9F94163	953.700

iC60H, 2P, 10kA, 230V, C curve

6A	A9F84206	1.145.100
10A	A9F84210	1.145.100
16A	A9F84216	1.145.100
20A	A9F84220	1.145.100
25A	A9F84225	1.236.400
32A	A9F84232	1.301.300
40A	A9F84240	1.482.800
50A	A9F84250	1.854.600
63A	A9F84263	1.992.100

iC60L, 2P, 15kA, 230V, C curve

6A	A9F94206	1.348.600
10A	A9F94210	1.348.600
16A	A9F94216	1.348.600
20A	A9F94220	1.375.000
25A	A9F94225	1.441.000
32A	A9F94232	1.486.100
40A	A9F94240	1.679.700
50A	A9F94250	1.919.500
63A	A9F94263	2.074.600

iC60H, 3P, 10kA, 400V, C curve

6A	A9F84306	1.720.400
10A	A9F84310	1.720.400
16A	A9F84316	1.720.400
20A	A9F84320	1.806.200
25A	A9F84325	1.892.000
32A	A9F84332	1.996.500
40A	A9F84340	2.227.500
50A	A9F84350	2.783.000
63A	A9F84363	3.052.500

iC60L, 3P, 15kA, 400V, C curve

6A	A9F94306	1.798.500
10A	A9F94310	1.798.500
16A	A9F94316	1.798.500
20A	A9F94320	1.887.600
25A	A9F94325	1.976.700
32A	A9F94332	2.084.500
40A	A9F94340	2.373.800
50A	A9F94350	2.966.700
63A	A9F94363	3.246.100

iC60H, 4P, 10kA, 400V, C curve

6A	A9F84406	2.472.800
10A	A9F84410	2.472.800
16A	A9F84416	2.472.800
20A	A9F84420	2.598.200
25A	A9F84425	2.720.300
32A	A9F84432	2.869.900
40A	A9F84440	3.265.900
50A	A9F84450	3.825.800
63A	A9F84463	4.111.800

iC60L, 4P, 15kA, 400V, C curve

6A	A9F94406	2.698.300
10A	A9F94410	2.698.300
16A	A9F94416	2.698.300
20A	A9F94420	2.750.000
25A	A9F94425	2.800.600
32A	A9F94432	2.952.400
40A	A9F94440	3.339.600
50A	A9F94450	4.021.600
63A	A9F94463	4.225.100

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI 9 – MCB C120N & C120H

- Dùng trong mạng lưới dân dụng hoặc công nghiệp.
- Tiêu chuẩn IEC 60898, IEC 60947-2
- Điện áp thử nghiệm xung (Uimp) : 6kV
- Đường cong loại C (Đường cong loại B, D xin liên hệ)

Tiêu chuẩn	Loại	Điện áp (VAC)	C120N Icu(kA)	C120H Icu(kA)
As IEC898	1P	230/240	10	15
	2,3,4P	400/415	10	15
As IEC947-2	1P	220/240	10	15
	2,3,4P	220/240	20	30
		380/415	10	15

C120N, 1P, 10kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63A	A9N18356	1.040.600
80A	A9N18357	1.118.700
100A	A9N18358	1.202.300
125A	A9N18359	1.285.900

C120H, 1P, 15kA, 230V, C curve

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63A	A9N18445	1.074.700
80A	A9N18446	1.152.800
100A	A9N18447	1.238.600
125A	A9N18448	1.323.300

C120N, 2P, 10kA, 230V, C curve

63A	A9N18360	2.202.200
80A	A9N18361	2.286.900
100A	A9N18362	2.465.100
125A	A9N18363	2.646.600

C120H, 2P, 15kA, 230V, C curve

63A	A9N18456	2.269.300
80A	A9N18457	2.352.900
100A	A9N18458	2.538.800
125A	A9N18459	2.725.800

C120N, 3P, 10kA, 400V, C curve

63A	A9N18364	3.426.500
80A	A9N18365	3.536.500
100A	A9N18367	3.714.700
125A	A9N18369	3.777.400

C120H, 3P, 15kA, 400V, C curve

63A	A9N18467	3.528.800
80A	A9N18468	3.642.100
100A	A9N18469	3.826.900
125A	A9N18470	3.888.500

C120N, 4P, 10kA, 400V, C curve

63A	A9N18371	4.402.200
80A	A9N18372	4.449.500
100A	A9N18374	4.581.500
125A	A9N18376	4.869.700

C120HL, 4P, 15kA, 400V, C curve

63A	A9N18478	4.534.200
80A	A9N18479	4.583.700
100A	A9N18480	4.720.100
125A	A9N18481	5.016.000

Kích thước (mm)

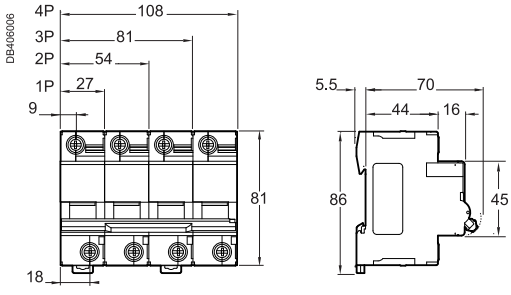

Giá trên đã bao gồm VAT

CẦU DAO TỰ ĐỘNG ACTI9 – RCCB, RCBO, SPD

iIDK 2P

iID 4P

Acti9 - RCCB
Cầu dao chống dòng rò

RCBO 1P+N

Acti9 - RCBO
Cầu dao bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống dòng rò

iID K - 30mA, 240-415 V, AC Type

Số cực	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
2P	25A	A9R50225	1.212.200
2P	40A	A9R50240	1.278.200
4P	25A	A9R50425	1.941.500
4P	40A	A9R50440	2.043.800
4P	63A	A9R70463	3.476.000

iID K - 300mA, 240-415V, AC Type

2P	25A	A9R75225	1.335.400
2P	40A	A9R75240	1.456.400
4P	25A	A9R75425	1.903.000
4P	40A	A9R75440	2.002.000
4P	63A	A9R75463	2.433.200

iID - 30mA, 240-415V, AC Type

2P	25A	A9R71225	1.447.600
2P	40A	A9R71240	1.523.500
2P	63A	A9R71263	2.601.500
2P	100A	A9R11291	4.283.400
4P	40A	A9R71440	2.448.600
4P	63A	A9R71463	4.160.200

iID - 100mA, 240-415V, AC Type

2P	40A	A9R12240	1.586.200
2P	63A	A9R12263	2.081.200
2P	100A	A9R12291	3.426.500
4P	40A	A9R12440	2.175.800
4P	63A	A9R12463	3.328.600

iID - 300mA, 240-415V, AC Type

2P	25A	A9R74225	1.599.400
2P	40A	A9R74240	1.745.700
2P	63A	A9R74263	1.820.500
4P	40A	A9R74440	2.398.000
4P	63A	A9R74463	2.912.800
4P	100A	A9R14491	4.798.200

iID - 300[S]mA, 415V, AC Type

4P	100A	A9R15491	6.716.600

RCBO - 1P+N, 6kA, 30mA

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
6A	A9D31606	1.998.700
10A	A9D31610	1.998.700
16A	A9D31616	1.998.700
20A	A9D31620	1.998.700
25A	A9D31625	2.174.700
32A	A9D31632	2.174.700
40A	A9D31640	2.174.700

RCBO - 1P+N, 6kA, 300mA

6A	A9D41606	2.054.800
10A	A9D41610	2.054.800
16A	A9D41616	2.054.800
20A	A9D41620	2.236.300
25A	A9D41625	2.236.300
32A	A9D41632	2.236.300
40A	A9D41640	2.236.300

Giải pháp an toàn tuyệt đối cho ngôi nhà của bạn

- Bảo vệ quá tải và ngắn mạch với MCB
- Bảo vệ chống sét lan truyền với SPD
- Bảo vệ dòng rò với RCCB
- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch và dòng rò với RCBO

iCT 25A 1P

iCT 25A 3P

iTL 2P

Khởi động từ Acti9 iCT

Rơ le điều khiển bằng tín hiệu xung

Contactor iCT, 1P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

Loại	Dòng điện (A)	Số mô-đun 9mm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1NO	25	2	A9C20731	766.700

Contactor iCT, 2P, điện áp cuộn dây 24VAC

2NO	25	2	A9C20132	1.007.600
2NO	63	4	A9C20162	2.418.900

Contactor iCT, 2P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

1NO+1NC	16	2	A9C22715	893.200
2NO	16	2	A9C22712	850.300
2NO	25	2	A9C20732	1.168.200
2NC	25	2	A9C20736	964.700
2NO	40	4	A9C20842	1.402.500
2NO	63	4	A9C20862	2.103.200
2NO	100	6	A9C20882	5.698.000

Contactor iCT, 3P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

Loại	Dòng điện (A)	Width in mod. of 9mm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
3NO	25	4	A9C20833	1.052.700
3NO	40	6	A9C20843	1.683.000
3NO	63	6	A9C20863	2.524.500

Contactor iCT, 4P, điện áp cuộn dây 24VAC

4NO	25	4	A9C20134	1.411.300
4NC	25	4	A9C20137	1.612.600
4NO	63	6	A9C20164	3.385.800
4NC	63	6	A9C20167	3.868.700

Contactor iCT, 4P, điện áp cuộn dây 230/240VAC

4NO	25	4	A9C20834	1.226.500
4NC	25	4	A9C20837	1.402.500
2NO+2NC	25	4	A9C20838	1.314.500
4NO	40	6	A9C20844	1.865.600
4NC	40	6	A9C20847	2.242.900
4NO	63	6	A9C20864	2.803.900
4NC	63	6	A9C20867	3.364.900
2NO+2NC	63	6	A9C20868	3.155.900
4NO	100	12	A9C20884	7.973.900

Phụ kiện của iCT - tấm cách giữa 2 contactor (lotsize: 5 cái)

	Số mô-đun 9mm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
	1	A9A27062	380.600

Rơ le Acti9 điều khiển bằng tín hiệu xung, iTL, ON-OFF switch

Loại	Dòng điện (A)	Số cực	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1NO	16	1P	A9C30811	458.700
2NO	16	2P	A9C30812	697.400
1NO	32	1P	A9C30831	844.800

Rơ le Acti 9 điều khiển bằng tín hiệu xung, iTLI, changeover switch

Loại	Dòng điện (A)	Số cực	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1NO + 1NC	16	1P	A9C30815	942.700

Mô-đun mở rộng cho Acti 9 iTL và iTLI

	16	2P	A9C32816	1.111.000
	32	1P	A9C32836	844.800

Rơ le Acti 9 điều khiển bằng tín hiệu xung, iTLc/iTLs

iTLc	16	1P	A9C33811	1.163.800
iTLs	16	1P	A9C32811	844.800

Phải sử dụng vách ngăn giữa các contactor khi contactor được sử dụng trong tủ có nhiệt độ từ 50° và 60°C

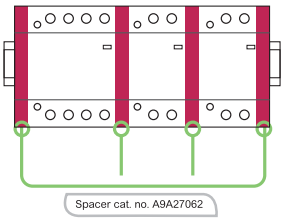

Ứng dụng	Công nghiệp: IEC 60947.4	Dân dụng: IEC 61095
Động cơ	AC3	AC7b
Đốt nóng	AC1	AC7a
Chiếu sáng	AC5a and b	AC5a and b

Giá trên đã bao gồm VAT

CÁCH LỰA CHỌN THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN

Các loại chống sét lan truyền:

- Loại 1 (T1) : khi có lắp LPS
- Loại 2 (T2) : khi không có lắp LPS
- Loại 3 (T3) : khi đã lắp T2.

  Nếu như khoảng cách từ T2 đến ổ cắm dài hơn 30m tính theo độ dài dây dẫn

Bạn lựa chọn loại chống sét nào?

	Không lắp LPS*	Có lắp LPS*
Khoảng cách tải < 30m	Chống sét lan truyền loại 2	Chống sét lan truyền loại 1&2
Khoảng cách tải > 30m	Chống sét lan truyền loại 2&3 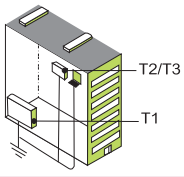	Chống sét lan truyền loại 1, 2&3 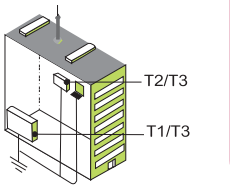

Quy tắc 30m trong việc lắp đặt chống sét lan truyền

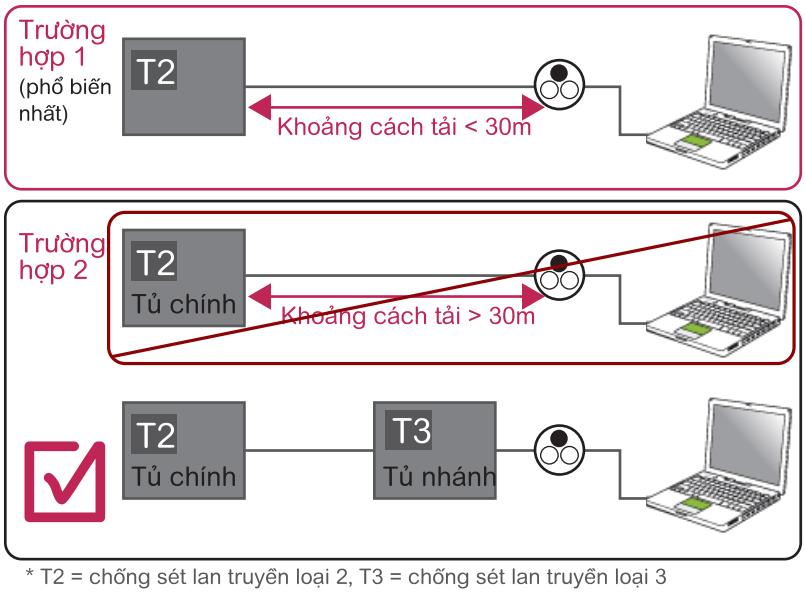

* T2 = chống sét lan truyền loại 2, T3 = chống sét lan truyền loại 3

* LPS: bảo vệ chống sét cho mạng điện (kim thu sét, dây thu sét, lồng thu sét)

THIẾT BỊ CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN ACTI9

iPRF1 - 1P+N

iPRD - 1P

iPF K - 1P+N

Thiết bị chống sét lan truyền

Thiết bị chống sét lan truyền Acti 9 - iPRF1, loại 1 + 2

Số cực	Iimp (kA) (10/350µs)	Imax (kA) (8/20µs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1P+N	12.5/50 N/PE	50kA	A9L16632	12.347.500
3P	12.5	50kA	A9L16633	18.291.900
3P+N	12.5/50 N/PE	50kA	A9L16634	22.865.700

Thiết bị chống sét lan truyền Acti 9 - iPRD, loại 2, 1P, 1P+N, 3P+N, drawout

Số cực	Imax (kA) (8/20µs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
iPRD loại 2, 1P/1P+N, 230V, Draw-out			
1P	8kA	A9L08100	1.843.600
1P	20kA	A9L20100	1.976.700
1P	40kA	A9L40100	2.107.600
1P	65kA	A9L65101	2.596.000
1P+N	8kA	A9L08500	2.766.500
1P+N	20kA	A9L20500	3.294.500
1P+N	40kA	A9L40500	3.491.400
1P+N	65kA	A9L65501	4.568.300
iPRD loại 2, 3P+N, 400V, Draw-out			
3P+N	20kA	A9L20600	6.586.800
3P+N	40kA	A9L40600	7.574.600
3P+N	65kA	A9L65601	9.157.500

Thiết bị chống sét lan truyền Acti 9 - iPF K, loại 2, 1P, 1P+N & 3P+N, Fixed

Số cực	Imax (kA) (8/20µs)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
iPF K loại 2, 1P, 230V, Fixed			
1P	20kA	A9L15691	1.813.900
1P	40kA	A9L15686	1.934.900
iPF K loại 2, 1P+N, 230V, Fixed			
1P+N	20kA	A9L15692	3.021.700
1P+N	40kA	A9L15687	3.203.200
iPF K loại 2, 3P+N, 400V, Fixed			
3P+N	20kA	A9L15693	6.043.400
3P+N	40kA	A9L15688	7.252.300
3P+N	65kA	A9L15586	7.262.200

Giá trên đã bao gồm VAT

Tính năng

- Thiết kế hiện đại, dễ dàng mang vác và cuộn dây
- Đèn LED hiển thị nguồn điện ON/OFF
- An toàn với chức năng bảo vệ quá tải
- Kẹp cố định phích cắm giúp chống xoắn dây
- Dây cáp sử dụng chất liệu HO7 RNF cao cấp
- Tuân theo tiêu chuẩn NF EN 61242.
- An toàn, đáng tin cậy cho tất cả các nhu cầu sử dụng tại nhà hay công trình.

Dây cáp mạng, modular Jack

DCECAUTP4P3X Cáp mạng Cat5e, thùng 305m	3.561.800
DC6CAUTP4P3X Cáp mạng Cat6, thùng 305m	4.830.100
DCEPCURJ02BLM Dây nhảy 2m, Cat5e, màu xanh dương	106.700
DCEPCURJ03BLM Dây nhảy 3m, Cat5e, màu xanh dương	140.800
DCEPCURJ05BLM Dây nhảy 5m, Cat5e, màu xanh dương	178.200
DC6PCURJ02BLM Dây nhảy 2m, Cat6, màu xanh dương	140.800
DC6PCURJ03BLM Dây nhảy 3m, Cat6, màu xanh dương	161.700
DC6PCURJ05BLM Dây nhảy 5m, Cat6, màu xanh dương	222.200
DCEKYSTUWT Modular Jack RJ45, loại keystone Cat5e UTP, màu trắng	133.100
DC6KYSTUWT Modular Jack RJ45, loại keystone Cat6 UTP, màu trắng	150.700
DCEPP24UKY1U Patch panel, 24 cổng Cat5e, bao gồm modular jack RJ45	2.742.300
DC6PP24UKY1U Patch panel, 24 cổng Cat6, bao gồm modular jack RJ45	4.475.900

Bộ hẹn giờ kỹ thuật số 24H và 7 ngày

CCT15850 Hẹn giờ 24/7D 1x16A, pin 6 năm	3.928.100
CCT15851 Hẹn giờ 24/7D 1x16A, 1 input điều khiển từ xa, pin 6 năm	6.812.300
CCT15852 Hẹn giờ 24/7D 2x16A, pin 6 năm	4.771.800
CCT15853 Hẹn giờ 24/7D 2x16A, 2 input điều khiển từ xa, pin 6 năm	6.282.100

Bộ hẹn giờ 24H

15336 Hẹn giờ 24h, 1 kênh 16A, pin dự trữ 100h	2.845.700
CCT15365 Hẹn giờ 24h, 1 kênh 16A, pin dự trữ 200h	2.957.900

Timer – Bộ hẹn giờ

NEW

CCT15101 Bộ hẹn giờ 24h, 1 kênh, 16A	961.400

Ổ cắm kéo dài 15 mét

NEW

Mã hàng	IP	Tiết diện dây (mm)	Đơn giá (VNĐ)
IMT33135	20	1.0	2.138.400
IMT33136	44	1.5	2.591.600
IMT33137	20	1.5	2.415.600

Ổ cắm kéo dài 20 mét

NEW

Mã hàng	IP	Tiết diện dây (mm)	Đơn giá (VNĐ)
IMT33140	20	1.5	3.029.400

Ổ cắm kéo dài 25 mét

NEW

Mã hàng	IP	Tiết diện dây (mm)	Đơn giá (VNĐ)
IMT33147	44	1.5	5.744.200
IMT33148	44	2.5	6.919.000

Ổ cắm kéo dài 40 mét

NEW

Mã hàng	IP	Tiết diện dây (mm)	Đơn giá (VNĐ)
IMT33158	44	1.5	7.071.900

Easypact EZC100

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-2, JIS C 8201, NEMA AB1
- Dòng cắt ngắn mạch tại 415V: 7.5, 10, 15, 30kA
- Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
- Dòng điện định mức từ 15 đến 100A

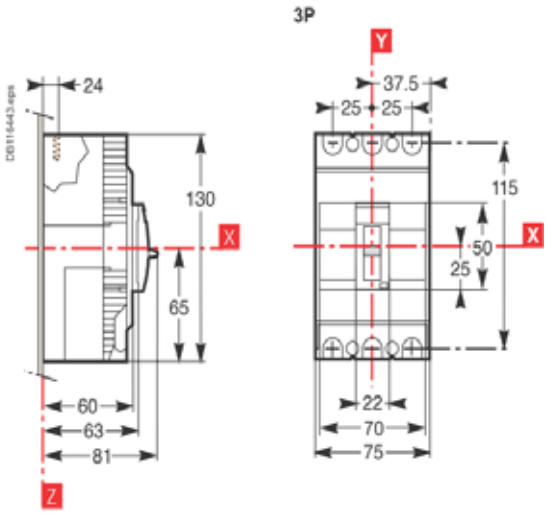

EasyPact EZC100, 3P Type B , Icu=7.5kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100B3015	1.543.300
20A	EZC100B3020	1.543.300
25A	EZC100B3025	1.543.300
30A	EZC100B3030	1.543.300
40A	EZC100B3040	1.543.300
50A	EZC100B3050	1.543.300
60A	EZC100B3060	1.641.200
75A	-	
80A	-	
100A	-	

EasyPact EZC100, 3P, Type F , Icu=10kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100F3015	1.608.200
20A	EZC100F3020	1.608.200
25A	EZC100F3025	1.608.200
30A	EZC100F3030	1.608.200
40A	EZC100F3040	1.608.200
50A	EZC100F3050	1.608.200
60A	EZC100F3060	1.778.700
75A	EZC100F3075	1.778.700
80A	EZC100F3080	1.778.700
100A	EZC100F3100	1.944.800

EasyPact EZC100, 3P, Type N , Icu=15kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100N3015	2.114.200
20A	EZC100N3020	2.114.200
25A	EZC100N3025	2.114.200
30A	EZC100N3030	2.114.200
40A	EZC100N3040	2.114.200
50A	EZC100N3050	2.114.200
60A	EZC100N3060	2.311.100
75A	EZC100N3075	2.311.100
80A	EZC100N3080	2.311.100
100A	EZC100N3100	2.311.100

EasyPact EZC100, 3P, Type H , Icu=30kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
15A	EZC100H3015	2.684.000
20A	EZC100H3020	2.684.000
25A	EZC100H3025	2.684.000
30A	EZC100H3030	2.684.000
40A	EZC100H3040	2.684.000
50A	EZC100H3050	2.684.000
60A	EZC100H3060	2.951.300
75A	EZC100H3075	2.951.300
80A	EZC100H3080	2.951.300
100A	EZC100H3100	2.951.300

Giá trên đã bao gồm VAT

Easypact EZC250 & EZC400/630

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 60947-2, JIS C 8201, NEMA AB1
- Dòng cắt ngắn mạch tại 415V: 18, 25, 36, 50kA
- Bảo vệ theo nguyên lý từ nhiệt
- Dòng điện định mức từ 100-600A

2P, 3P

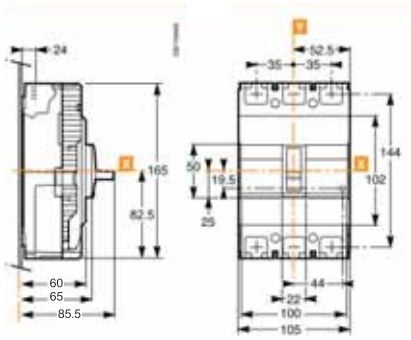

Kích thước EZC250

3P

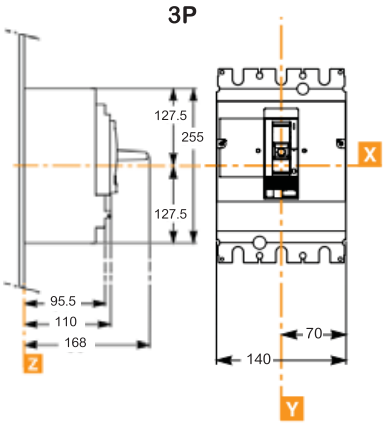

Kích thước EZC400/630

EasyPact EZC250, 3P, Type F , Icu=18kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100A	EZC250F3100	3.580.500
125A	EZC250F3125	3.829.100
150A	EZC250F3150	4.677.200
160A	EZC250F3160	4.677.200
175A	EZC250F3175	4.939.000
200A	EZC250F3200	5.370.200
225A	EZC250F3225	5.370.200
250A	EZC250F3250	5.370.200

EasyPact EZC250, 3P, Type H , Icu=36kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63A	-	
80A	-	
100A	EZC250H3100	3.829.100
125A	EZC250H3125	4.544.100
150A	EZC250H3150	5.571.500
160A	EZC250H3160	5.571.500
175A	EZC250H3175	6.727.600
200A	EZC250H3200	6.727.600
225A	EZC250H3225	6.727.600
250A	EZC250H3250	6.727.600

EasyPact EZC400/630, 3P type N, Icu=36kA/415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
320	EZC400N3320N	8.028.900
350	EZC400N3350N	8.028.900
400	EZC400N3400N	8.028.900
400	EZC630N3400N	9.730.600
500	EZC630N3500N	9.730.600
600	EZC630N3600N	9.730.600

EasyPact EZC400/630, 3P type H, Icu=50kA/415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
320	EZC400H3320N	8.814.300
350	EZC400H3350N	8.814.300
400	EZC400H3400N	8.814.300
400	EZC630H3400N	10.897.700
500	EZC630H3500N	10.897.700
600	EZC630H3600N	10.897.700

EasyPact EZC250, 3P Type N , Icu=25kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100A	EZC250N3100	3.732.300
125A	EZC250N3125	4.204.200
150A	EZC250N3150	5.131.500
160A	EZC250N3160	5.131.500
175A	EZC250N3175	5.324.000
200A	EZC250N3200	6.059.900
225A	EZC250N3225	6.059.900
250A	EZC250N3250	6.059.900

EasyPact EZC250, 4P,Type N , Icu=25kA / 415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63A	EZC250N4063	4.837.800
80A	EZC250N4080	4.837.800
100A	EZC250N4100	4.837.800
125A	EZC250N4125	6.069.800
150A	EZC250N4150	7.283.100
160A	EZC250N4160	7.283.100
175A	EZC250N4175	7.891.400
200A	EZC250N4200	8.036.600
225A	EZC250N4225	8.036.600
250A	EZC250N4250	8.036.600

EasyPact EZC400/630, 4P type N, Icu=36kA/415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
320	EZC400N4320N	9.648.100
350	EZC400N4350N	9.648.100
400	EZC400N4400N	10.032.000
400	EZC630N4400N	13.620.200
500	EZC630N4500N	13.620.200
600	EZC630N4600N	13.620.200

EasyPact EZC400/630, 4P type H, Icu=50kA/415V

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
320	EZC400H4320N	10.323.500
350	EZC400H4350N	10.323.500
400	EZC400H4400N	10.734.900
400	EZC630H4400N	14.573.900
500	EZC630H4500N	14.573.900
600	EZC630H4600N	14.573.900

Giá trên đã bao gồm VAT

Easypact EZCV250

- Bảo vệ quá tải, ngắn mạch và chống rò
- Dòng rò có thể chỉnh được: 0.1/0.3/0.5/1A
- Dòng điện định mức từ 63-250A

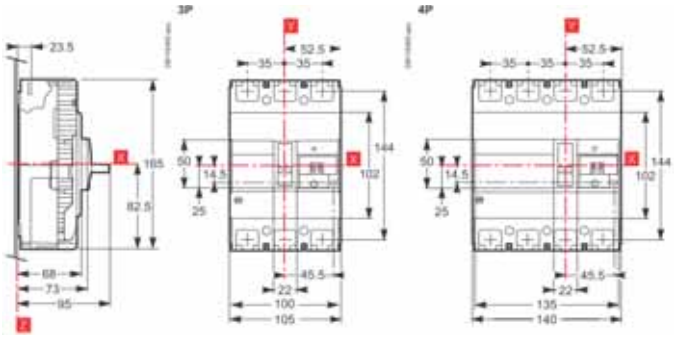

EasyPact EZCV250, 3P type N, Icu=25kA/ 415VAC
Độ nhạy chỉnh định từ 0.1 đến 1A

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63	EZCV250N3063	9.031.000
80	EZCV250N3080	9.031.000
100	EZCV250N3100	9.031.000
125	EZCV250N3125	9.454.500
150	EZCV250N3150	11.051.700
160	EZCV250N3160	11.051.700
175	EZCV250N3175	11.973.500
200	EZCV250N3200	13.040.500
225	EZCV250N3225	13.040.500
250	EZCV250N3250	13.040.500

EasyPact EZCV250, 4P type N, Icu=25kA/ 415VAC
Độ nhạy chỉnh định từ 0.1 đến 1A

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63	EZCV250N4063	11.554.400
80	EZCV250N4080	11.554.400
100	EZCV250N4100	11.554.400
125	EZCV250N4125	13.358.400
150	EZCV250N4150	15.208.600
160	EZCV250N4160	15.208.600
175	EZCV250N4175	17.639.600
200	EZCV250N4200	19.262.100
225	EZCV250N4225	19.262.100
250	EZCV250N4250	19.262.100

EasyPact EZCV250 , 3P type H Icu=36kA/ 415VAC
Độ nhạy chỉnh định từ 0.1 đến 1A

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63	EZCV250H3063	10.047.400
80	EZCV250H3080	10.047.400
100	EZCV250H3100	10.047.400
125	EZCV250H3125	11.693.000
150	EZCV250H3150	13.885.300
160	EZCV250H3160	13.885.300
175	EZCV250H3175	17.162.200
200	EZCV250H3200	17.162.200
225	EZCV250H3225	17.162.200
250	EZCV250H3250	17.162.200

EasyPact EZCV250, 4P type H, Icu=36kA/ 415VAC
Độ nhạy chỉnh định từ 0.1 đến 1A

Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
63	EZCV250H4063	12.560.900
80	EZCV250H4080	12.560.900
100	EZCV250H4100	12.560.900
125	EZCV250H4125	14.614.600
150	EZCV250H4150	16.440.600
160	EZCV250H4160	16.440.600
175	EZCV250H4175	21.382.900
200	EZCV250H4200	21.382.900
225	EZCV250H4225	21.382.900
250	EZCV250H4250	21.382.900

Giá trên đã bao gồm VAT

Easypact CVS100-630A

- Phù hợp với tiêu chuẩn IEC 947-2
- Trip unit có thể chỉnh định được từ 0.7 đến 1 (loại từ nhiệt TMD)
- Dòng định mức từ 16A đến 600A
- Ics = 100% Icu
- Dùng chung một số phụ kiện với Compact NSX

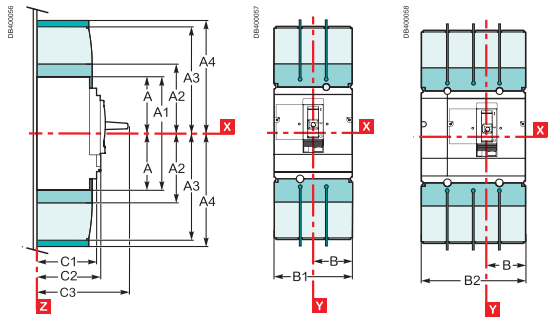

Type	A	A1	A2	A3	A4	B	B1	B2	C1	C2	C3
CVS100/160/250	60.5	161	94	145	178.5	52.5	105	140	81	86	126
CVS400/630	127.5	255	142.5	200	237	70	140	185	95.5	110	168

EasyPact CVS100/250, 3P, Type B, Icu=25kA / 415V

Loại	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100B	16	LV510300	2.851.200
	25	LV510301	2.851.200
	32	LV510302	2.851.200
	40	LV510303	2.851.200
	50	LV510304	2.851.200
	63	LV510305	2.851.200
	80	LV510306	2.880.900
	100	LV510307	2.880.900
CVS160B	125	LV516302	3.644.300
	160	LV516303	4.633.200
CVS250B	200	LV525302	5.410.900
	250	LV525303	6.068.700

EasyPact CVS100/250, 4P, Type B, Icu=25kA / 415V

Loại	Dòng điện	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
CVS100B	16	LV510310	3.809.300
	25	LV510311	3.809.300
	32	LV510312	3.809.300
	40	LV510313	3.809.300
	50	LV510314	3.809.300
	63	LV510315	3.809.300
	80	LV510316	4.029.300
	100	LV510317	4.029.300
CVS160B	125	LV516312	5.481.300
	160	LV516313	6.238.100
CVS250B	200	LV525312	7.486.600
	250	LV525313	8.485.400

EasyPact CVS100/630, 3P, Type F, Icu=36kA / 415V

CVS100F	16	LV510330	2.960.100
	25	LV510331	2.960.100
	32	LV510332	2.960.100
	40	LV510333	2.960.100
	50	LV510334	2.960.100
	63	LV510335	2.960.100
	80	LV510336	3.070.100
	100	LV510337	3.070.100
CVS160F	125	LV516332	3.946.800
	160	LV516333	4.987.400
CVS250F	200	LV525332	6.111.600
	250	LV525333	6.827.700
CVS400F	320	LV540305	10.315.800
	400	LV540306	10.858.100
CVS630F	500	LV563305	13.979.900
	600	LV563306	16.131.500

EasyPact CVS100/630, 4P, Type F, Icu=36kA / 415V

CVS100F	16	LV510340	4.109.600
	25	LV510341	4.109.600
	32	LV510342	4.109.600
	40	LV510343	4.109.600
	50	LV510344	4.109.600
	63	LV510345	4.109.600
	80	LV510346	4.385.700
	100	LV510347	4.385.700
CVS160F	125	LV516342	5.765.100
	160	LV516343	6.781.500
CVS250F	200	LV525342	8.509.600
	250	LV525343	9.641.500
CVS400F	320	LV540308	11.943.800
	400	LV540309	13.302.300
CVS630F	500	LV563308	17.476.800
	600	LV563309	18.552.600

EasyPact CVS400/630, 3P, Type N, Icu=50kA / 415V

CVS400N	320	LV540315	11.401.500
	400	LV540316	12.215.500
CVS630N	500	LV563315	16.131.500
	600	LV563316	17.339.300

EasyPact CVS400/630, 4P, Type N, Icu=50kA / 415V

CVS400N	320	LV540318	14.386.900
	400	LV540319	15.200.900
CVS630N	500	LV563318	18.818.800
	600	LV563319	20.432.500

Giá trên đã bao gồm VAT

CB BẢO VỆ ĐỘNG CƠ LOẠI TỪ VÀ TỪ NHIỆT - TESYS

CB bảo vệ động cơ loại từ và nhiệt - GV2ME và GV2P

- Bảo vệ ngắn mạch
- Phải dùng phối hợp với rơ le nhiệt bảo vệ động cơ
- Chỉ thị trạng thái ON-TRIP-OFF

CB bảo vệ động cơ loại từ nhiệt GV2ME

Kw 400/415V	Dải cài đặt dòng điện bảo vệ nhiệt (A)	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
-	0.1…0.16	1.5	GV2ME01	1.174.800
0.06	0.16…0.25	2.4	GV2ME02	1.174.800
0.09	0.25…0.40	5	GV2ME03	1.174.800
0.12	0.40…0.63	8	GV2ME04	1.174.800
0.18	0.40…0.63	8	GV2ME04	1.174.800
0.25	0.63…1	13	GV2ME05	1.219.900
0.37	1…1.6	22.5	GV2ME06	1.272.700
0.55	1…1.6	22.5	GV2ME06	1.272.700
0.75	1.6…2.5	33.5	GV2ME07	1.272.700
1.1	2.5…4	51	GV2ME08	1.272.700
1.5	2.5…4	51	GV2ME08	1.272.700
2.2	4…6.3	78	GV2ME10	1.272.700
3	6…10	138	GV2ME14	1.392.600
4	6…10	138	GV2ME14	1.392.600
5.5	9…14	170	GV2ME16	1.470.700
7.5	13…18	223	GV2ME20	1.470.700
9	17…23	327	GV2ME21	1.470.700
11	20…25	327	GV2ME22	1.470.700
15	24…32	416	GV2ME32	1.470.700

CB bảo vệ động cơ loại từ nhiệt GV2P

-	0.1…0.16	1.5	GV2P01	1.445.400
0.06	0.16…0.25	2.4	GV2P02	1.445.400
0.09	0.25…0.40	5	GV2P03	1.445.400
0.12	0.40…0.63	8	GV2P04	1.445.400
0.18	0.40…0.63	8	GV2P04	1.445.400
0.25	0.63…1	13	GV2P05	1.501.500
0.37	1…1.6	22.5	GV2P06	1.562.000
0.55	1…1.6	22.5	GV2P06	1.562.000
0.75	1.6…2.5	33.5	GV2P07	1.562.000
1.1;1.5	2.5…4	51	GV2P08	1.562.000
2.2	4…6.3	78	GV2P10	1.562.000
3 ; 4	6…10	138	GV2P14	1.710.500
5.5	9…14	170	GV2P16	1.807.300
7.5	13…18	223	GV2P20	1.807.300
9	17…23	327	GV2P21	1.807.300
11	20…25	327	GV2P22	1.807.300
15	24…32	416	GV2P32	1.807.300

CB bảo vệ động cơ loại từ GV2LE và GV2L

- Tích hợp rơ le nhiệt bảo vệ quá tải, ngắn mạch và bảo vệ mất pha
- Chỉ thị trạng thái ON-TRIP-OFF

CB bảo vệ động cơ loại từ GV2LE

Kw 400/415V	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
0.06	0.4	5	GV2LE03	1.098.900
0.09	0.4	5	GV2LE03	1.098.900
0.12	0.63	8	GV2LE04	1.098.900
0.18	0.63	8	GV2LE04	1.098.900
0.25	1	13	GV2LE05	1.140.700
0.37	1	13	GV2LE05	1.140.700
0.55	1.6	22.5	GV2LE06	1.190.200
0.75	2.5	33.5	GV2LE07	1.190.200
1.1	4	51	GV2LE08	1.190.200
1.5	4	51	GV2LE08	1.190.200
2.2	6.3	78	GV2LE10	1.190.200
3	10	138	GV2LE14	1.299.100
4	10	138	GV2LE14	1.299.100
5.5	14	170	GV2LE16	1.373.900
7.5	18	223	GV2LE20	1.373.900
9	25	327	GV2LE22	1.373.900
11	25	327	GV2LE22	1.373.900
15	32	416	GV2LE32	1.373.900

CB bảo vệ động cơ loại từ GV2L

0.06	0.4	5	GV2L03	1.372.800
0.09	0.4	5	GV2L03	1.372.800
0.12	0.63	8	GV2L04	1.372.800
0.18	0.63	8	GV2L04	1.372.800
0.25	1	13	GV2L05	1.427.800
0.37	1	13	GV2L05	1.427.800
0.55	1.6	22.5	GV2L06	1.483.900
0.75	2.5	33.5	GV2L07	1.483.900
1.1	4	51	GV2L08	1.483.900
1.5	4	51	GV2L08	1.483.900
2.2	6.3	78	GV2L10	1.483.900
3	10	138	GV2L14	1.626.900
4	10	138	GV2L14	1.626.900
5.5	14	170	GV2L16	1.716.000
7.5	18	223	GV2L20	1.716.000
9	25	327	GV2L22	1.716.000
11	25	327	GV2L22	1.716.000
15	32	416	GV2L32	1.716.000

Giá trên đã bao gồm VAT

KHỞI ĐỘNG TỪ TESYS D 9-150A

- Dùng điều khiển động cơ lên đến 75kW, loại AC1, AC3
- Điện áp điều khiển cho cuộn dây: AC, DC, LC
- Tích hợp 2 tiếp điểm phụ , 1NO, 1NC
- Độ bền cơ khí và độ bền điện cao

Khởi động từ với cuộn dây điều khiển loại AC

Kw 380V 400V	Dòng định mức AC-3	Tiếp điểm phụ N/O	Tiếp điểm phụ N/C	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4	9	1	1	LC1D09 ••	487.300
5.5	12	1	1	LC1D12 ••	581.900
7.5	18	1	1	LC1D18 ••	777.700
11	25	1	1	LC1D25 ••	1.087.900
15	32	1	1	LC1D32 ••	1.356.300
18.5	38	1	1	LC1D38 ••	1.595.000
18.5	40	1	1	LC1D40A ••	2.475.000
22	50	1	1	LC1D50A ••	2.904.000
30	65	1	1	LC1D65A ••	3,586,000
37	80	1	1	LC1D80A ••	4.488.000
45	95	1	1	LC1D95 ••	5.584.700
55	115	1	1	LC1D115 ••	7.581.200
75	150	1	1	LC1D150 ••	9.572.200

Khởi động từ với cuộn dây điều khiển loại DC

Kw 380V 400V	Dòng định mức AC-3	Tiếp điểm phụ N/O	Tiếp điểm phụ N/C	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
4	9	1	1	LC1D09••	823.900
5.5	12	1	1	LC1D12••	988.900
7.5	18	1	1	LC1D18••	1.318.900
11	25	1	1	LC1D25••	1.318.900
15	32	1	1	LC1D32••	2.303.400
18.5	38	1	1	LC1D38••	2.713.700
18.5	40	1	1	LC1D40A••	4.205.300
22	50	1	1	LC1D50A••	4.935.700
30	65	1	1	LC1D65A••	6.097.300
37	80	1	1	LC1D80A••	8.862.700
45	95	1	1	LC1D95••	9.491.900
55	115	1	1	LC1D115••	12.883.200
75	150	1	1	LC1D150••	16.273.400

Khởi động từ với cuộn dây điều khiển loại DC-LC tiết kiệm năng lượng

		N/O	N/C		
4	9	1	1	LC1D09••	882.200
5.5	12	1	1	LC1D12••	1.059.300
7.5	18	1	1	LC1D18••	1.409.100
11	25	1	1	LC1D25••	1.974.500
15	32	1	1	LC1D32••	2.466.200
18.5	38	1	1	LC1D38••	2.904.000

Standard control ciruit voltages													
~ supply													
Volts	24	42	48	110	115	220	230	240	380	400	415	440	500
Contactors LC1-D09...D150 (coils D115 and D150 with intergral suppression deviece fitted as standard)													
50/60 Hz	B7	D7	E7	F7	-	M7	P7	U7	Q7	-	N7	R7	-
Contactors LC1-D80...D115													
50 Hz	B5	D5	E5	F5	FE5	M5	P5	U5	Q5	V5	N5	R5	S5
60 Hz	B6	-	E6	F6	-	M6	-	U6	Q6	-	-	R6	-
⎓ supply													
Volts	12	24	36	48	60	72	110	125	220	250	440		
Contactors LC1-D09...D65A(coils with intergral suppression deviece fitted as standard)													
U 0.75...1.25Uc	JD	BD	-	ED	ND	-	FD	GD	MD	-	RD		
Contactors LC1-D80...D95													
U 0.85...1.1Uc	JD	BD	CD	ED	ND	SD	FD	GD	MD	UD	RD		
U 0.75...1.2 Uc	JW	BW	CW	EW	-	SW	FW	-	MW	-	-		
Contactors LC1-D115 and D150(coils with intergral suppression deviece fitted as standard)													
U 0.75...1.2 Uc	-	BD	-	ED	ND	SD	FD	GD	MD	UD	RD		
Low consumption													
Contactors LC1-D09...D38(coils with intergral suppression deviece fitted as standard)													
Volts ⎓	5	12	20	24	48	110	120	250					
U 0.7...1.25 Uc	AL	JL	ZL	BL	EL	FL	ML	UL					

Giá trên đã bao gồm VAT

RƠ LE NHIỆT TESYS LOẠI D

- Tương thích cho lắp đặt với khởi động từ Tesys D
- Dùng cho bảo vệ động cơ và bảo vệ mất pha
- Reset tự động hoặc bằng tay, chỉ thị TRIP

Class 10 (1) với liên kết Everlink, đầu kết nối bắt vít BTR

Class 10A (1) với đầu kết nối bắt vít

Dải cài đặt của rơ le	Sử dụng với contactor LC1D	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
0.10…0.16	D09…D38	LRD01	512.600
0.16…0.25	D09…D38	LRD02	512.600
0.25…0.40	D09…D38	LRD03	512.600
0.40…0.63	D09…D38	LRD04	512.600
0.63…1	D09…D38	LRD05	512.600
1…1.6	D09…D38	LRD06	512.600
1.6…2.5	D09…D38	LRD07	512.600
2.5…4	D09…D38	LRD08	512.600
4…6	D09…D38	LRD10	512.600
5.5…8	D09…D38	LRD12	512.600
7…10	D09…D38	LRD14	512.600
9…13	D12…D38	LRD16	512.600
12…18	D18…D38	LRD21	563.200
16…24	D25…D38	LRD22	588.500
23…32	D25…D38	LRD32	765.600
30…38	D32 and D38	LRD35	773.300

Class 10 A(1) với liên kết Everlink, đầu kết nối bắt vít BTR

Dải cài đặt của rơ le	Sử dụng với contactor LC1D	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
9…13	D40A…D65A	LRD313	1.778.700
12…18	D40A…D65A	LRD318	1.837.000
17…25	D40A…D65A	LRD325	1.895.300
23…32	D40A…D65A	LRD332	2.082.300
30…40	D40A…D65A	LRD340	2.014.100
37…50	D40A…D65A	LRD350	2.330.900
48…65	D50A và D65A	LRD365	2.427.700

Class 10 A(1) với đầu kết nối bắt vít

62...80	D80 và D95	LRD380	4.145.900
80…104	D80 và D95	LRD3365	3.149.300
80…104	D115 và D150	LRD4365	4.472.600
95…120	D115 và D150	LRD4367	4.918.100
110…140	D150	LRD4369	5.054.500

(1) Tiêu chuẩn IEC 947-4-1 chỉ định thời gian trip khi dòng điện đi qua rơ le bằng 7.2 lần dòng điện cài đặt IR Class 10A : từ 2 đến 10 giây.

Giá trên đã bao gồm VAT

KHỞI ĐỘNG TỪ EASYPACT TVS

Khởi động từ Easypact TVS

LC1E65

LC1E120

LC1E300

- Dòng điện định mức từ 6 đến 630A, AC3
- Điện áp điều khiển: AC

Rơ le nhiệt Easypact TVS

LRE••

LRE3••

LRE48•

- Tương thích cho lắp đặt với khởi động từ Easypact TVS
- Dùng cho bảo vệ động cơ

Khởi động từ có cầu đấu nối bằng ốc vít

KW 380V 400V	Dòng định mức AC-3	Tiếp điểm phụ N/O	Tiếp điểm phụ N/C	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
2.2	6	1	0	LC1E0610••	268.400
2.2	6	0	1	LC1E0601••	268.400
4	9	1	0	LC1E0910••	309.100
4	9	0	1	LC1E0901••	309.100
5.5	12	1	0	LC1E1210••	349.800
5.5	12	0	1	LC1E1201••	349.800
7.5	18	1	0	LC1E1810••	518.100
7.5	18	0	1	LC1E1801••	518.100
11	25	1	0	LC1E2510••	631.400
11	25	0	1	LC1E2501••	631.400
15	32	1	0	LC1E3210••	928.400
15	32	0	1	LC1E3201••	928.400
18.5	38	1	0	LC1E3810••	1.087.900
18.5	38	0	1	LC1E3801••	1.087.900
18.5	40	1	1	LC1E40••	1.123.100
22	50	1	1	LC1E50••	1.157.200
30	65	1	1	LC1E65••	1.305.700
37	80	1	1	LC1E80••	1.612.600
45	95	1	1	LC1E95••	2.029.500
55	120	1	1	LC1E120••	2.534.400
75	160	1	1	LC1E160••	5.509.900

Khởi động từ đấu nối bằng thanh đồng

90	200	0	0	LC1E200••	6.041.200
132	250	0	0	LC1E250••	8.531.600
160	300	0	0	LC1E300••	10.246.500
200	400	0	0	LC1E400••	16.555.000
250	500	0	0	LC1E500••	30.325.900
335	630	0	0	LC1E630••	43.487.400

Coil voltage code

		24	48	110	220	230	240	380	415	440
LC1E06-300	50 Hz	B5	E5	F5	M5	-	U5	Q5	N5	R5
	50 Hz	B6	-	F6	M6	-	-	Q6	-	R6
LC1E06-95	50/60Hz	B7	E7	F7	M7	P7	-	Q7	-	-
LC1E06-630	50/60Hz	-	E7	F7	M7	-	U7	Q7	N7	R7

Rơ le nhiệt hợp bộ với khởi động từ có cầu đấu nối bằng ốc vít

Dãi cài đặt của Rờ le	Sử dụng với contactor LC1E	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
0.10…0.16	E06…E38	LRE01	332.200
0.16…0.25	E06…E38	LRE02	332.200
0.25…0.40	E06…E38	LRE03	332.200
0.40…0.63	E06…E38	LRE04	332.200
0.63…1	E06…E38	LRE05	332.200
1…1.6	E06…E38	LRE06	332.200
1.6…2.5	E06…E38	LRE07	332.200
2.5…4	E06…E38	LRE08	332.200
4…6	E06…E38	LRE10	332.200
5.5…8	E09…E38	LRE12	332.200
7…10	E09…E38	LRE14	332.200
9…13	E12…E38	LRE16	332.200
12…18	E18…E38	LRE21	332.200
16…24	E25…E38	LRE22	332.200
23…32	E25…E38	LRE32	332.200
30…38	E38	LRE35	363.000
17…25	E40…E95	LRE322	671.000
23…32	E40…E95	LRE353	671.000
30…40	E40…E95	LRE355	671.000
37…50	E50…E95	LRE357	671.000
48…65	E65…E95	LRE359	671.000
55…70	E80…E95	LRE361	1.938.200
63…80	E80…E95	LRE363	1.919.500
80…104	E95	LRE365	1.956.900

Rơ le nhiệt hợp bộ với khởi động từ đấu nối bằng thanh đồng

51…81	E120…E160	LRE480	2.050.400
62…99	E120…E160	LRE481	2.050.400
84…135	E120…E160	LRE482	2.999.700
124…198	E200	LRE483	3.086.600
146…234	E250...E400	LRE484	3.086.600
174…279	E250...E400	LRE485	4.364.800
208…333	E250...E400	LRE486	4.364.800
259…414	E300...E400	LRE487	4.589.200
321…513	E500	LRE488	6.164.400
394…630	E630	LRE489	7.155.500

* Vui lòng liên hệ Schneider Electric để biết giá

Giá trên đã bao gồm VAT

GZ1E

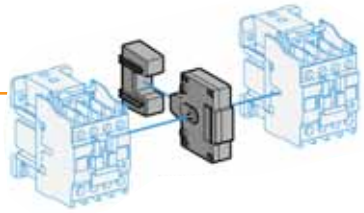

LAEM1

LAEN22

LAETSD

GZ1E

CB bảo vệ động cơ loại từ nhiệt GZ

Kw 400/415V	Dải cài đặt dòng điện bảo vệ nhiệt (A)	Dòng điện bảo vệ từ (A)	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
-	0.1...0.16	1.5	GZ1E01	844.800
-	0.16...0.25	2.4	GZ1E02	844.800
-	0.25 ...0.40	5	GZ1E03	844.800
-	0.40 ...0.63	8	GZ1E04	844.800
-	0.63...1	13	GZ1E05	899.800
0.37	1... 1.6	22.5	GZ1E06	899.800
0.75	1.6...2.5	33.5	GZ1E07	899.800
1.5	2.5...4	51	GZ1E08	899.800
2.2	4...6.3	78	GZ1E10	899.800
4	6 ... 10	138	GZ1E14	970.200
5.5	9 ... 14	170	GZ1E16	1.089.000
7.5	13 ... 18	223	GZ1E20	1.089.000
9	17 ... 23	327	GZ1E21	1.089.000
11	20 ... 25	327	GZ1E22	1.089.000
15	24 ... 32	416	GZ1E32	1.089.000

Liên động cơ khí

Khóa liên động cơ khí	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
LC1E06…E12	LAEM1	78.100
LC1E18 / E25	LAEM1	78.100
LC1E32 / E38	LAEM1	78.100
LC1E40…E65	LAEM1	78.100
LC1E80 / E95	LAEM4	176.000
LC1E120 / E160	LAEM5	701.800
LC1E200 / E250	LAEM6	704.000
LC1E300	LAEM7	988.900
LC1E400	LAEM7	988.900
LC1E500	LAEM7	988.900
LC1E630	LAEM8	1.167.100

Khối tiếp điểm phụ gắn ở mặt trước

Tiếp điểm phụ	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1 NO / 1 NC	LAEN11	78.100
2 NO	LAEN20	78.100
2 NC	LAEN02	78.100
2NO / 2 NC	LAEN22	156.200

Rơ le thời gian

Tiếp điểm phụ	Rơ le thời gian loại	Khoảng cài đặt	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
1 NO / 1 NC	On-delay	1…30s	LAETSD	1.035.100

Giá trên đã bao gồm VAT

NÚT NHẤN - ĐÈN BÁO - CÔNG TẮC XOAY HỌ XB7

• Dãy sản phẩm kinh tế, màu sắc đa dạng • Cấp bảo vệ: IP54 • Tuổi thọ cao

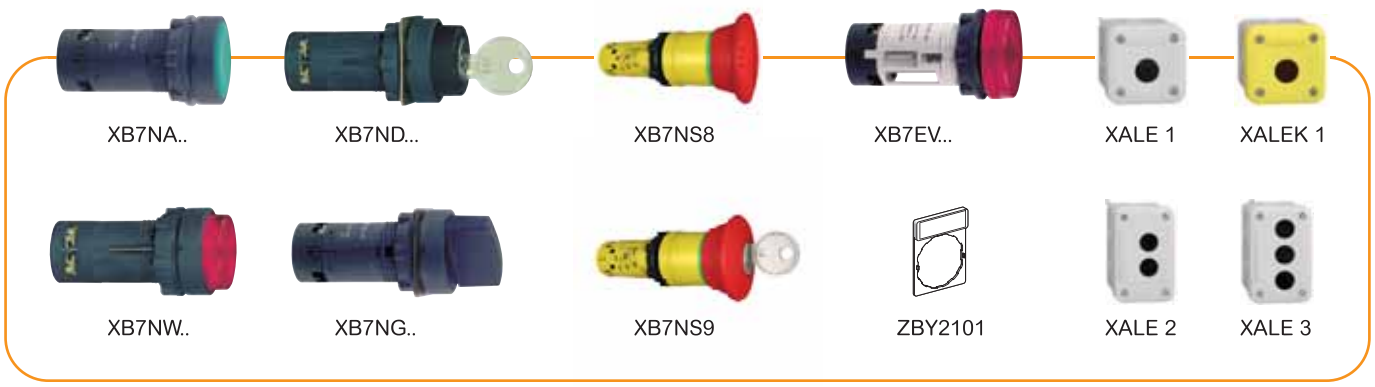

Nút nhấn nhả Ø 22mm

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
●	N/O	XB7NA21	70.400
●	N/O	XB7NA31	70.400
●	N/C	XB7NA42	70.400
●	N/O	XB7NA81	70.400

Nút nhấn nhả Ø 22mm

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
●	N/O + N/C	XB7NA25	104.500
●	N/O + N/C	XB7NA35	104.500
●	N/O + N/C	XB7NA45	104.500
●	N/O + N/C	XB7NA85	104.500

Nút nhấn có đèn LED điện áp 24Vdc

●	N/O	XB7NW33B1	182.600
●	N/O	XB7NW34B1	182.600
●	N/C	XB7NW34B2	182.600
●	N/O	XB7NW38B1	182.600

Nút nhấn có đèn LED điện áp 230Vac

●	N/O	XB7NW33M1	236.500
●	N/O	XB7NW34M1	236.500
●	N/C	XB7NW34M2	236.500
●	N/O	XB7NW38M1	236.500

Công tắc xoay 2 vị trí

	N/O	XB7ND21	125.400
	N/O + N/C	XB7ND25	134.200

Công tắc xoay 3 vị trí

	2 N/O	XB7ND33	134.200

Công tắc xoay có khóa 2 vị trí

	N/O	XB7NG21	185.900

Công tắc xoay có khóa 3 vị trí

	2 N/O	XB7NG33	233.200

Nút dừng khẩn cấp Ø40 xoay để mở

●	N/C	XB7NS8442	156.200
●	N/O + N/C	XB7NS8445	168.300

Nút dừng khẩn cấp Ø40 mở bằng chìa khóa

●	2 N/C	XB7NS9444	310.200
●	N/O + N/C	XB7NS9445	334.400

Đèn LED điện áp 24Vdc

●		XB7EV03BP	99.000
●		XB7EV04BP	99.000
●		XB7EV05BP	99.000
●		XB7EV06BP	99.000

Đèn LED điện áp 230Vac

●		XB7EV03MP	99.000
●		XB7EV04MP	99.000
●		XB7EV05MP	99.000
●		XB7EV06MP	99.000

Phụ Kiện

		ZBY2101	42.900

Giá trên đã bao gồm VAT

Hộp

Mặt xám 1 lỗ		XALE1	218.900
Mặt xám 2 lỗ		XALE2	229.900
Mặt xám 3 lỗ		XALE3	242.000

Đèn báo Ø22

XA2EVxx3LC

XA2EVxx5LC

XA2EVxx8LC

Màu	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Điện áp	**24V AC/DC**			**110V AC**			**110V DC**		
○	XA2EVB1LC	10	61.600	XA2EVF1LC	10	64.900	XA2EVFD1LC	10	64.900
●	XA2EVB3LC	10	61.600	XA2EVF3LC	10	64.900	XA2EVFD3LC	10	64.900
●	XA2EVB4LC	10	61.600	XA2EVF4LC	10	64.900	XA2EVFD4LC	10	64.900
●	XA2EVB5LC	10	61.600	XA2EVF5LC	10	64.900	XA2EVFD5LC	10	64.900
●	XA2EVB6LC	10	61.600	XA2EVF6LC	10	64.900	XA2EVFD6LC	10	64.900
●	XA2EVB8LC	10	61.600	XA2EVF8LC	10	64.900	XA2EVFD8LC	10	64.900
Điện áp	**220V AC**			**220V DC**			**380V - 400V AC**		
○	XA2EVM1LC	10	61.600	XA2EVMD1LC	10	64.900	XA2EVQ1LC	10	67.100
●	XA2EVM3LC	10	61.600	XA2EVMD3LC	10	64.900	XA2EVQ3LC	10	67.100
●	XA2EVM4LC	10	61.600	XA2EVMD4LC	10	64.900	XA2EVQ4LC	10	67.100
●	XA2EVM5LC	10	61.600	XA2EVMD5LC	10	64.900	XA2EVQ5LC	10	67.100
●	XA2EVM6LC	10	61.600	XA2EVMD6LC	10	64.900	XA2EVQ6LC	10	67.100
●	XA2EVM8LC	10	61.600	XA2EVMD8LC	10	64.900	XA2EVQ8LC	10	67.100

Nút nhấn nhả Ø22

XA2EA31

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Không có ký hiệu				
○	N/O	XA2EA11	10	58.300
●	N/O	XA2EA21	10	58.300
●	N/O	XA2EA31	10	58.300
●	N/O	XA2EA51	10	58.300
●	N/O	XA2EA61	10	58.300
●	N/C	XA2EA42	10	58.300

XA2EA4342

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Có ký hiệu				
●	N/O	XA2EA3311	10	58.300
●	N/O	XA2EA3351	10	58.300
○	N/O	XA2EA3341	10	58.300
●	N/C	XA2EA4322	10	58.300
●	N/C	XA2EA4342	10	58.300

Nút nhấn nhả đầu nấm Ø22

XA2EC51

Đường kính (mm)	Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Ø40	●	N/O	XA2EC21	10	63.800
Ø40	●	N/O	XA2EC31	10	63.800
Ø40	●	N/C	XA2EC42	10	63.800
Ø40	●	N/O	XA2EC51	10	63.800
Ø60	●	N/O	XA2EC21	10	63.800

Nút nhấn giữ Ø22

XA2EH021

Màu	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
○	N/O	XA2EH011	10	86.900
●	N/O	XA2EH021	10	86.900
●	N/O	XA2EH031	10	86.900
●	N/C	XA2EH042	10	86.900
●	N/O	XA2EH051	10	86.900
●	N/O	XA2EH061	10	86.900

Giá trên đã bao gồm VAT

Công tắc xoay có khóa Ø22

XA2EG03

Số vị trí	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Tay nắm ngắn				
2 vị trí	N/O	XA2EG21	10	196.900
2 vị trí	2N/O	XA2EG43	10	232.100
2 vị trí tự nhả	2N/O	XA2EG63	10	232.100
3 vị trí	2N/O	XA2EG73	10	232.100
3 vị trí	2N/O	XA2EG33	10	232.100
3 vị trí	2N/O	XA2EG03	10	232.100

Nút dừng khẩn cấp Ø22

XA2ET42

Đường kính (mm)	Cách tác động	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Ø40 - red	Nhấn-kéo nhả	N/C	XA2ET42	10	201.300
Ø30 - red	Xoay nhả	N/C	XA2ES442	10	102.300
Ø40 - red	Xoay nhả	N/C	XA2ES542	10	94.600
Ø60 - red	Xoay nhả	N/C	XA2ES642	10	102.300
Ø30 - black	Xoay nhả	N/C	XA2ES422	10	102.300

Công tắc xoay Ø22

XA2ED21

XA2EJ21

Số vị trí	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Số vị trí	Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Tay nắm ngắn					**Tay nắm dài**				
2 vị trí - tự giữ	N/O	XA2ED21	10	83.600	2 vị trí - tự giữ	N/O	XA2EJ21	10	83.600
2 vị trí - tự giữ	N/O+N/C	XA2ED25	10	110.000	2 vị trí - tự giữ	N/O+N/C	XA2EJ25	10	110.000
3 vị trí - tự giữ	2N/O	XA2ED33	10	110.000	3 vị trí - tự giữ	2N/O	XA2EJ33	10	110.000
3 vị trí - tự nhả	2N/O	XA2ED53	10	110.000	3 vị trí - tự nhả	2N/O	XA2EJ53	10	110.000
2 vị trí - tự nhả	N/O	XA2ED41	10	83.600					

Phụ kiện

ZA2EE101

Tiếp điểm	Mã hàng	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Dùng cho nút nhấn và công tắc họ XA2			
Tiếp điểm phụ			
N/O	ZA2EE101	10	26.400
N/C	ZA2EE102	10	26.400

Nút nhấn có đèn báo Ø22

XA2EW35B1

Màu	Mã hàng	Tiếp điểm	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Tiếp điểm	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)	Mã hàng	Tiếp điểm	Số lượng tối thiểu	Đơn giá (VNĐ)
Điện áp	**24V AC/DC**				**220V AC**				**380V AC**			
○	XA2EW31B1	N/O	10	146.300	XA2EW31M1	N/O	10	146.300	XA2EW31Q1	N/O	10	146.300
●	XA2EW33B1	N/O	10	146.300	XA2EW33M1	N/O	10	146.300	XA2EW33Q1	N/O	10	146.300
●	XA2EW34B1	N/O	10	146.300	XA2EW34M1	N/O	10	146.300	XA2EW34Q1	N/O	10	146.300
●	XA2EW35B1	N/O	10	146.300	XA2EW35M1	N/O	10	146.300	XA2EW35Q1	N/O	10	146.300
●	XA2EW36B1	N/O	10	146.300	XA2EW36M1	N/O	10	146.300	XA2EW36Q1	N/O	10	146.300

RƠ LE TRUNG GIAN 2-4 C/O, 5-3A loại RXM●●LB

- Tần số đóng ngắt tối đa: 1200 lần/ giờ
- Tuổi thọ cơ khí 10 triệu lần
- Đáp ứng theo tiêu chuẩn: IEC/ EN60068-2-6, IEC/ EN60529, IEC/ EN60068-2-27

Rơ le không đèn chỉ thị - 3A

Điện áp	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
12Vdc	4 C/O	RXM4LB1JD	123.200
24Vdc	4 C/O	RXM4LB1BD	123.200
48Vdc	4 C/O	RXM4LB1ED	123.200
24Vac	4 C/O	RXM4LB1B7	128.700
120Vac	4 C/O	RXM4LB1F7	128.700
230Vac	4 C/O	RXM4LB1P7	128.700

Rơ le không đèn chỉ thị - 5A

Điện áp	Tiếp điểm	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
12Vdc	2 C/O	RXM2LB1JD	113.300
24Vdc	2 C/O	RXM2LB1BD	113.300
48Vdc	2 C/O	RXM2LB1ED	113.300
24Vac	2 C/O	RXM2LB1B7	113.300
120Vac	2 C/O	RXM2LB1F7	113.300
230Vac	2 C/O	RXM2LB1P7	113.300

Rơ le có đèn chỉ thị - 3A

12Vdc	4 C/O	RXM4LB2JD	133.100
24Vdc	4 C/O	RXM4LB2BD	133.100
36Vdc	4 C/O	RXM4LB2CD	133.100
48Vdc	4 C/O	RXM4LB2ED	133.100
110Vdc	4 C/O	RXM4LB2FD	138.600
24Vac	4 C/O	RXM4LB2B7	138.600
120Vac	4 C/O	RXM4LB2F7	138.600
230Vac	4 C/O	RXM4LB2P7	138.600

Rơ le có đèn chỉ thị - 5A

12Vdc	2 C/O	RXM2LB2JD	122.100
24Vdc	2 C/O	RXM2LB2BD	122.100
36Vdc	2 C/O	RXM2LB2CD	122.100
48Vdc	2 C/O	RXM2LB2ED	122.100
110Vdc	2 C/O	RXM2LB2FD	122.100
24Vac	2 C/O	RXM2LB2B7	122.100
120Vac	2 C/O	RXM2LB2F7	122.100
230Vac	2 C/O	RXM2LB2P7	122.100

Đế cắm rơ le

	2 C/O	RXZE1M2C	58.300
	4 C/O	RXZE1M4C	78.100

Tất cả mã hàng trên đều được bán theo hộp số lượng 10 cái

BỘ NGUỒN 24V DC - ABL2K

- Thiết kế giải nhiệt tối ưu
- Điện áp vào 100...240V AC, 1 pha
- Điện áp ngõ ra 24V DC
- Công suất từ 35 đến 350W
- Điện áp ngõ ra có thể chỉnh định +/- 15%
- Đèn LED báo nguồn
- Chứng chỉ CE/KC/EAC

Bộ nguồn ABL2K

Điện áp ngõ vào (1 pha 47~63Hz)	Điện áp ngõ ra	Công suất	Dòng định mức	Tự động reset lỗi	Chuyển đổi điện áp	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
100...240 VAC	24 VDC	35W	1.5A	Có	Tự động	ABL2REM24015K	440.000
	24 VDC	50W	2.2A	Có	Tự động	ABL2REM24020K	473.000
100...120 VAC 200...240 VAC	24 VDC	100W	4.5A	Có	Bằng tay	ABL2REM24045K	638.000
	24 VDC	150W	6.5A	Có	Bằng tay	ABL2REM24065K	902.000
	24 VDC	200W	8.3A	Có	Bằng tay	ABL2REM24085K	1.144.000
	24 VDC	250W	10.5A	Có	Bằng tay	ABL2REM24100K	1.254.000
	24 VDC	350W	14.6A	Có	Bằng tay	ABL2REM24150K	1.408.000

Phụ kiện

ABL2K01

ABL2K02

ABL2K03A

ABL2K03B

Mô tả	Dùng với bộ nguồn	Mã hàng	Đơn giá (VNĐ)
Gá gắn 4 góc	ABL2REM24085K ABL2REM24100K ABL2REM24150K	ABL2K01	11.000
Giá đỡ gắn DIN rail 35mm	Tất cả bộ nguồn	ABL2K02	33.000
Giá đỡ chữ L nhỏ	ABL2REM24015K ABL2REM24020K ABL2REM24045K ABL2REM24065K	ABL2K03A	121.000
Giá đỡ chữ L lớn	ABL2REM24085K ABL2REM24100K ABL2REM24150K	ABL2K03B	165.000

Giá trên đã bao gồm VAT

ƯU ĐIỂM BỘ ĐIỀU KHIỂN TỤ BÙ

- Đo sóng hài bậc 3 đến bậc 19
- Đo giá trị kvar thực tế của từng bước tụ bù
- Truyền thông Modbus RS485
- Cảnh báo các bất thường xảy ra ở tủ bù

Bộ điều khiển tụ bù

Mã hàng	Số bước	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
51207	6	-	11.922.900
51213	12	-	14.932.500
VPL06N	6	Modbus	19.586.600
VPL12N	12	Modbus	25.528.800

Tụ bù

Mã hàng	Điện áp (V)	Công suất (kvar)	Đơn giá (VNĐ)
BLRCS100A120B44	440V	10	2.054.800
BLRCS150A180B44	440V	15	2.841.300
BLRCS200A240B44	440V	20	3.444.100
BLRCS250A300B44	440V	25	4.017.200
BLRCS303A364B44	440V	30	4.682.700
BLRCH400A480B44	440V	40	8.210.400
BLRCH500A000B44	440V	50	9.939.600
BLRCH339A407B48	480V	33.9	7.513.000

Cuộn kháng

Mã hàng	Loại		Công suất (kvar)	Đơn giá (VNĐ)
LVR05500A40T	400V	5.7%	50	28.721.000
LVR07500A40T	400V	7%	50	24.113.100
LVR14500A40T	400V	14%	50	38.407.600

ƯU ĐIỂM ĐỒNG HỒ KỸ THUẬT SỐ PM2000

- Phân tích sóng hài đến bậc thứ 31
- Truyền thông modbus
- Đồng hồ thời gian có pin dự phòng
- Bộ nhớ lưu trữ dữ liệu
- Module mở rộng DI/DO, AI/AO

Đồng hồ kỹ thuật số PM2000

Mã hàng	Thông số đo	Cấp chính xác	Phân tích sóng hài	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
METSEPM2110	VAFPE THD	1%	-	-	6.889.300
METSEPM2120	VAFPE THD	1%	15	Modbus	8.428.200
METSEPM2130	VAFPE THD	0.5%	31	Modbus	9.692.100
METSEPM2210	VAFPE THD	1%	-	-	8.547.000
METSEPM2220	VAFPE THD	1%	15	Modbus	10.565.500
METSEPM2230	VAFPE THD	0.5%	31	Modbus	12.151.700

Đồng hồ nhiều biểu giá PM5000

Mã hàng	Số biểu giá	Cấp chính xác	Phân tích sóng hài	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
METSEPM5310	4	0.5%	31	Modbus RS485	15.748.700
METSEPM5320	4	0.5%	31	Modbus TCP/IP	20.719.600
METSEPM5330	4	0.5%	31	Modbus RS485	18.649.400
METSEPM5340	4	0.5%	31	Modbus TCP/IP	22.790.900
METSEPM5560	8	0.2%	63	RS485 & TCP/IP	35.983.200
METSEPM5350	-	0.5%	-	RS485	15.116.200

Đồng hồ tích hợp sẵn biến dòng iEM3000

Mã hàng	Tích hợp biến dòng	Thông số đo	Kích thước	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
A9MEM3100	63A	kWh	5x18mm	-	9.048.600
A9MEM3150	63A	kWh, U, I, P, F	5x18mm	Modbus	9.891.200
A9MEM3165	63A	kWh, U, I, P, F	5x18mm	Bacnet	12.497.100
A9MEM3300	125A	kWh	5x18mm	-	11.932.800
A9MEM3350	125A	kWh, U, I, P, F	5x18mm	Modbus	12.654.400
A9MEM3365	125A	kWh, U, I, P, F	5x18mm	Bacnet	14.878.600

Đồng hồ dùng cho máy phát

Mã hàng	Cấp chính xác	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
METSEPM1130HCL05RS	0.5%	Modbus RS485	3.778.500

Đồng hồ đo VAF PF% Unbalance

Mã hàng	Cấp chính xác	Truyền thông	Đơn giá (VNĐ)
METSEDM6000HCL10NC	1%	-	1.991.000
METSEDM6200HCL10RS	1%	Modbus RS485	2.519.000

Giá trên đã bao gồm VAT

SƠ ĐỒ MẠNG ĐIỆN AN TOÀN CHUẨN

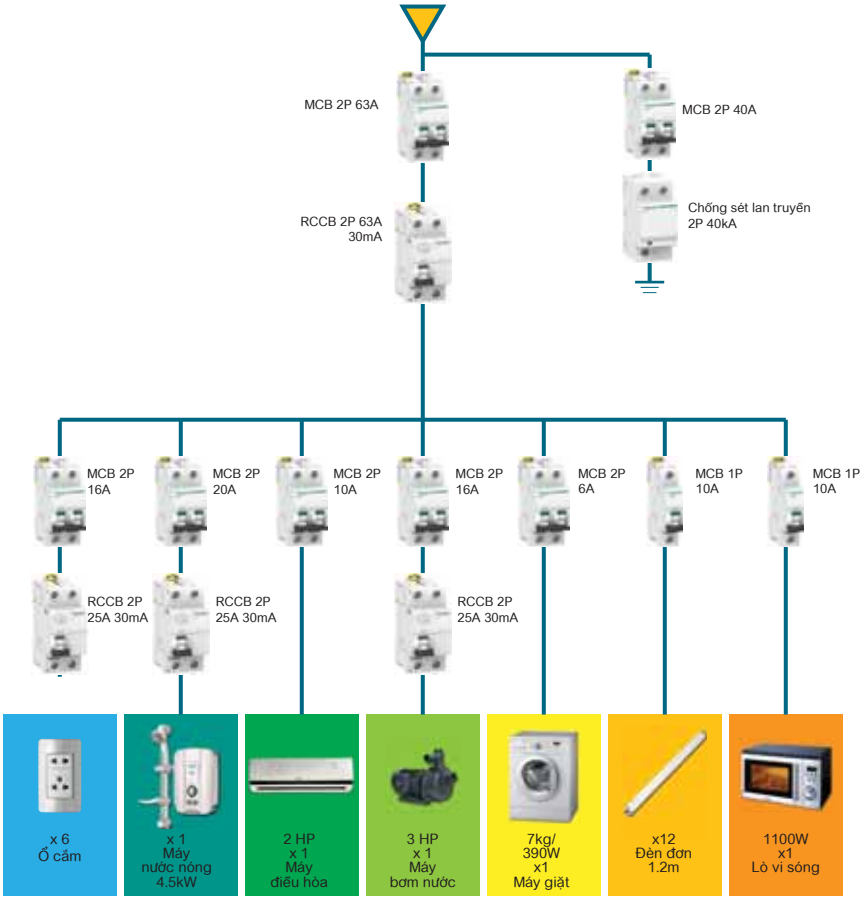

- Tiết diện dây dẫn và cường độ dòng điện phụ thuộc vào công suất của thiết bị.
- Có thể sử dụng 1 RCBO thay cho 1 MCB + 1 RCCB. Để biết thêm chi tiết xin vui lòng liên hệ Schneider Electric.

Khuyến cáo lựa chọn cầu dao tự động theo tiết diện dây dẫn

Tiết diện dây dẫn	Mục đích sử dụng	Công suất cho phép tối đa	Lựa chọn cầu dao tự động
1.5mm^2	■ Dùng cho đèn, nguồn các loại ổ cắm thông dụng hoặc thiết bị ít hao điện, (chuông cửa, vv.,)	■ < 2300W	■ 10A
2.5mm^2	■ Cung cấp nguồn cho ổ cắm hoặc ổ cắm chuyên dụng (máy giặt, máy nước nóng, lò sưởi điện)	■ < 3680W	■ 16A - 20A
4mm^2		■ < 5750W	■ 25A
6mm^2	■ Dùng cho các thiết bị như nồi cơm điện, lò nướng, lò sưởi điện CÔNG SUẤT CAO	■ < 7360W	■ 32A
10mm^2	■ Dùng để kết nối điện giữa thiết bị đóng ngắt và tủ điện	■ 6/9/12kvA	■ 16 - 32 A đến 50 A
16mm^2		■ 50/60 kVA	■ 63 A
25mm^2	■ Dùng cho dây dẫn có chức năng bảo vệ chính: phải có cùng tiết diện như dây nối giữa thiết bị đóng ngắt và tủ điện.		